TUẦN 19:

Thứ Hai ngày 19 tháng 01 năm 2026

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT DƯỚI CỜ:

VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

Tiếng Việt:

ĐỌC: TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc đúng và diễn cảm bài tiếng hát của người đá, biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi hình ảnh đẹp, những câu văn diễn tả những tình tiết kỳ ảo.

Đọc hiểu: những hành động, việc làm của chú bé người đá trong câu chuyện thể hiện tình yêu đối với cuộc sống và con người. Hiểu được những từ ngữ hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa, …. Góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của cuộc sống: thiên nhiên cũng như con người, đều góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp hơn.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
1. Giới thiệu về chủ điểm. - GV giới thiệu bức tranh chủ điểm và nêu câu hỏi: + Bức tranh vẽ những gì? - GV nhận xét và chốt: Bức tranh tượng trưng cho vẻ đẹp của cuộc sống: con người sống chan hòa với thiên nhiên. Trong cuộc sống thường ngày, nếu chúng ta chăm chú quan sát phải sẽ cảm nhận được những vẻ đẹp của thiên nhiên, của con người. Mỗi bài đọc trong chủ điểm vẻ đẹp cuộc sống đã góp phần lưu giữ vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ	HS quan sát bức tranh chủ điểm, làm việc chung cả lớp: Bức tranh vẽ 2 bạn nhỏ đang thích thú ngắm những con vật trong rừng vậy đặc biệt là chú sóc con đang ăn những hạt rẻ rơi dưới gốc cây,… bức tranh thể hiện tình cảm, cảm xúc của con người đối với cuộc sống đáng yêu, đáng mến. - HS lắng nghe.

đẹp trong cảm xúc vậy hành động vậy việc làm của con người. Chủ điểm *Vẻ đẹp cuộc sống* tiếp tục khai thác vẻ đẹp của thiên nhiên, ở con người, của cuộc sống, … ở lớp 5 phải tập trung khai thác vẻ đẹp bình dị trong đời sống thường ngày đó là vẻ đẹp mà bất cứ ai cũng có thể tạo nên để góp phần làm đẹp cuộc sống.	
2. Khởi động - GV giới thiệu tên bài học và bài đọc: tiếng hát của người đá là câu chuyện cổ của dân tộc giarai, do tác giả Ngọc Anh và văn lang kể lại phải in trong tập truyện cổ Việt Nam. Dân tộc giarai là một trong số những dân tộc có lịch sử cư trú lâu đời ở vùng đất nam trung bộ và cuối dãy Trường Sơn. Có lẽ vùng chữ poda được nhắc tới trong câu chuyện là tên gọi trước đây của một địa bàn địa bàn sinh sống của dân tộc giarai (ngày nay, ở địa bàn tập Trung Đông người giarai nhất là tỉnh Khánh Hòa, ở Ninh Thuận). Đây là câu chuyện thú vị phải cảm động về một chú bé được hóa thân từ một mỏm đá hình người. Câu chuyện chứa đựng rất nhiều ý nghĩa để các em tìm hiểu vậy khám phá. - GV yêu cầu HS kể tên 1 - 2 truyện cổ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Nêu những chi tiết em thích để khởi động bài học. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới: câu chuyện T*iếng hát của người đá* kể về những hành động, việc làm của chú bé người đá. Câu đó thể hiện tình yêu đối với cuộc sống và con người và những ước nguyện về cuộc sống hòa bình, không có cảnh đầu rơi máu đổ, chính nghĩa luôn chiến thắng phi nghĩa.	- HS lắng nghe. - HS nối tiếp nêu. - HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp của thiên nhiên phải hành động, việc làm người đá và dân làng. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật: cựa quậy, cất giọng hát, tua tủa, …	- HS lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

- Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu ... em bé. + Đoạn 2: Tiếp …. Nai Ngọc. + Đoạn 3: Tiếp … tuột khỏi tay. + Đoạn 4: Còn lại - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *đỉnh núi phải tia nắng, ấy dân làng phải bung lách phải bông lau,...* - GV hướng dẫn luyện đọc câu có những từ ngữ gợi tả, điểm từ phải điệp ngữ: *Những tia nắng **vàng dịu**, những hạt mưa **trong vắt** thay nhau tắm gội phải sưởi ấm cho mỏm đá./ Gió **rì rào** kể cho mỏm đá nghe những câu chuyện về mọi miền./Chim hót cho mỏm đá nghe những điệu ca **du dương**./ngày nọ, cho giặc kéo đến **đông như** lá rừng đẩy **nhanh như** chớp giật phải giáo mác chĩa lên trời **tua tủa như** bông lách phải bông lau./* - GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	- 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - HS lắng nghe cách đọc đúng - 2-3 HS đọc câu. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
3. Luyện tập.	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có) + đứng sững: đứng không nhúc nhích	 - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các CH trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,… - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: bóng đá trên đỉnh núi cao có gì đặc biệt? Mỏm đá được mọi vật yêu quý như thế nào?	 - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + mỏm đá xanh giống hình một em bé cởi voi. Mỏm đá được mọi vật yêu quý, ấy chăm chút:

- Theo em tình yêu của mọi vật có ý nghĩa gì đối với mỏm đá trên đỉnh núi?

Nắng (những tia nắng vàng dịu)	sưởi ấm cho tảng đá
Mưa (những hạt mưa trong vắt)	tắm gội cho tảng đá
Gió	rì rào kể cho mỏm đá nghe những câu chuyện về mọi miền
Chim	hót cho mỏm đá nghe những điệu ca du dương
→ Cứ thế, năm này qua năm khác, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu vào mỏm đá hình em bé.	

- Mỏm đá năm này qua năm khác được mưa nắng tắm gội tẩy sưởi ấm, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu. Tất cả mọi hành động đều thể hiện tình yêu của mọi vật (mưa phải nắng, gió phải chim muông,…) đối với mỏm đá vậy chẳng khác nào bà mẹ thiên nhiên "thổi hồn", và mỏm đá vậy làm cho mỏm đá cảm động xẩy hóa thành em bé xinh đẹp, ấy tốt bụng, ấy biết nói lời hay, ý đẹp.

+ Câu 2: Câu chuyện gì xảy ra và một ngày mỏm đá hóa thành một em bé? Mọi người được chứng kiến điều kỳ lạ gì khi em bé người đã cất tiếng hát vang khắp núi rừng?

+ Khi mỏ đá hóa thành một em bé, em bé liền bước xuống núi, đúng lúc mông thú từng đàn kéo về phá nương rẫy. Thấy dân làng đuổi đằng đông phải dồn đằng tây mà chẳng được, em bé liền cất giọng hát. Tiếng hát của em vang khắp núi rừng. Mọi người được chứng kiến điều kỳ lạ: muông thú nhảy múa theo tiếng hát vẩy quên cả phá lúa.

+ Câu 3: Khi giặc kéo đến phải em bé người đá và dân làng đã làm gì để đuổi giặc?

+ Ngày khi giặc kéo đến đông như lá rừng phải nhanh như chớp giật, ấy dân làng đã chung sức, đồng lòng cầm vũ khí(tên nọ phải khiên đao) đuổi giặc.

Chiếc cảnh 4 phương lửa cháy rừng rực, em bé người đà đã trèo lên một mỏm núi, ấy cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược chớ đi ăn cướp, ấy hãy trở về với gia đình,… lời hát của em bé người đá khiến giặc đứng sừng như những pho tượng phải vũ khí tuột khỏi tay.

+ Câu 4: Theo em lời hát của em bé người đã thể hiện ước nguyện gì của con người?

+ Em bé người đá đã giúp dân làng đuổi giặc. Em trèo lên một mỏm núi, ấy cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược trở đi ăn cướp vậy hãy trở về với vợ con, đi hái rau ngọt, cắt lúa vàng phải tối ngủ bên lửa ấm, ở sáng thức dậy theo mặt trời, … lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện của con người về một cuộc sống hòa bình, không có cảnh đầu rơi máu đổ, chính nghĩa luôn chiến thắng phi nghĩa

+ Câu 5: Nêu một kết thúc khác cho câu chuyện theo mong muốn của em?

- GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học. - GV nhận xét và chốt: ***Những hành động, việc làm của chú bé người đá trong câu chuyện thể hiện tình yêu đối với cuộc sống và con người. Hiểu được những từ ngữ hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa, …. Góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của cuộc sống: thiên nhiên cũng như con người, đều góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp hơn.***	+ Em bé người đá bay lên trời xanh. Mỗi khi đất nước gặp gian nguy, em bé người đá lại xuất hiện để giúp đỡ dân làng. Xúc động trước niềm mong nhớ khôn nguôi của dân làng, em bé gửi đá đã trở về sống cùng và giúp đỡ dân làng. - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
* Luyện đọc lại - Chọn đoạn cần luyện đọc - GV hướng dẫn HS nêu cách đọc. - Y/c HS luyện đọc trong nhóm _ GV tổ chức cho HS thi đọc dưới hình thức sắm vai. - GV tuyên dương nhóm sắm vai tốt. - GV có thể khích lệ học sinh nêu chi tiết yêu thích nhất trong câu chuyện - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS nêu - HS luyện đọc trong nhóm - HS thi đọc

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHÉP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Nhận biết được câu đơn phải câu ghép; vận dụng kiến thức đã học để thực hành tạo lập câu ghép, qua đó phát triển kỹ năng viết nói chung phải kỹ năng tạo lập văn bản nói riêng.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong ngữ liệu của bài tập thông qua cac từ loại tìm được.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

*Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:</td></tr>
<tr><td>- GV cho hs chơi trò chơi: ô cửa bí mật
Cách chơi: hs bất kỳ trong lớp trả lời đúng câu hỏi thì ô cửa bí mật sẽ mở ra
+ Câu hỏi:
Câu có mấy thành phần chính? Đó là những thành phần nào,? Em hãy đặt một câu và xác định thành phần chính của câu đó.
- Gv mở cửa bí mật hiện ra tên bài: câu đơn và câu ghép
- Gv nhận xét, tổng kết trò chơi
- Gv dẫn dắt vào bài mới: câu em vừa đặt gọi là câu đơn. Vậy câu đơn là câu như thế nào? Những câu như thế nào được gọi là câu ghép? Cô trò cùng học bài ngày hôm nay: câu đơn và câu ghép</td><td>- HS lắng nghe cách chơi

Câu có 2 thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ.
Vd: chúng em/ đang học bài.

- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Khám phá.</td></tr>
<tr><td>Bài 1:
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:
- GV mời cả lớp làm việc nhóm</td><td>- 2 HS đọc yêu cầu và nội dung bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.
- Cả lớp làm việc nhóm xác định nội dung yêu cầu.
– Chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu ở ví dụ a:
<table><tr><th>Câu</th><th>Chủ ngữ</th><th>Vị ngữ</th></tr><tr><td>Trời không mưa.</td><td>Trời</td><td>không mưa</td></tr><tr><td>Ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.</td><td>Ruộng đồng</td><td>khô hạn, nứt nẻ</td></tr></table>Câu ở phần b có 2 cụm chủ ngữ-Vị ngữ. Từ nên có tác dụng: nối các ý được thể hiện ở 2 cụm chủ ngữ-vị ngữ đó.</td></tr>
</table>

PHIẾU HỌC TẬP

Bài tập 1. Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu.

a. Trời không mưa. Ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.

b. Trời không mưa nên ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.

– Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu ở ví dụ a.

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ
Trời không mưa.	....	....
Ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.	....	....

– Câu ở phần b có mấy cụm chủ ngữ – vị ngữ? Từ *nên* có tác dụng gì trong câu?

- Các nhóm trình bày
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.

Bài 2:

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung
- GV mời cả lớp làm việc nhóm:

*** Ghi nhớ**

- Thế nào là câu đơn? Thế nào là câu ghép?
- Yêu cầu HS lấy ví dụ về câu đơn vậy câu ghép vậy có thể yêu cầu xác định chủ, bị ngữ trong câu vừa đặt.

- GV nhận xét, kết luận.

- Gọi HS đọc ghi nhớ

- 2 HS đọc yêu cầu và nội dung bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.
- Cả lớp làm việc nhóm xác định nội dung yêu cầu.

Đến nay, con người /đã có những con tàu to lớn vượt biển khơi, nhưng những cánh buồm/ vẫn sống mãi cùng sông nước và con người.

Tử ***phẩy*** trong câu trên có tác dụng nối các cụm chủ ngữ-vị ngữ

- Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ-vị ngữ, câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ-vị ngữ ghép lại
- HS đọc ghi nhớ

3. Luyện tập.

Bài 3:

- GV mời 2 HS đọc yêu cầu và nội dung:
- GV mời cả lớp làm việc nhóm

- HS nối tiếp đọc. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.

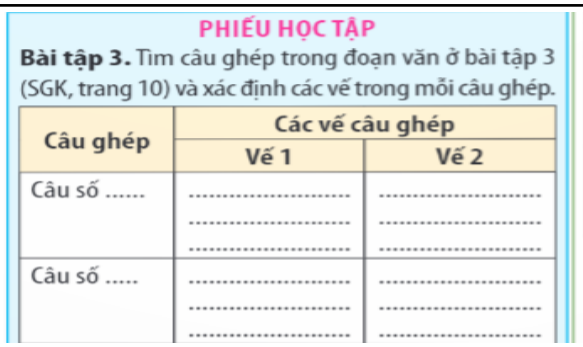

PHIẾU HỌC TẬP

Bài tập 3. Tìm câu ghép trong đoạn văn ở bài tập 3 (SGK, trang 10) và xác định các vế trong mỗi câu ghép.

Câu ghép	Các vế câu ghép	
	Vế 1	Vế 2
Câu số	.....	.....
Câu số	.....	.....

- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.
+ câu số một là câu đơn hay câu ghép?
+ câu đơn khắc câu ghép như thế nào

Bài 4.
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu
- giáo viên cho HS làm việc cá nhân
- Gọi HS đọc bài trước lớp
- GV nhận xét và hỏi: trong đoạn văn, câu nào là câu ghép? Câu ghép đó gồm mấy vế câu ngày
- GV khen ngợi những HS viết được những câu ghép hay

- Cả lớp làm việc nhóm, xác định nội dung yêu cầu.

Câu ghép	Các vế câu ghép	
	Vế 1	Vế 2
Câu số 2	Cỏ gần nước tươi tốt	trâu ăn cỏ men theo bờ suối, rồi mới lên đồi, lên núi
Câu số 3	đàn trâu no cỏ đầm mình dưới suối	chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình

- Các nhóm trình bày
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

+ câu một là câu đơn
+ câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ-vị ngữ, câu ghép là câu có nhiều cụm chủ ngữ-bị ngứa

- 1 HS đọc
- HS làm việc cá nhân

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi "Ai nhanh – Ai đúng".
+ GV chuẩn bị một số từ ngữ trong đó có danh từ và các từ khác như động từ, tính từ để lẫn lộn trong hộp.
+ Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)
- Cách chơi:
+ HS sẽ trả lời câu hỏi để giúp đội mình thắng. Mỗi câu trả lời đúng trong thời gian quy định sẽ giúp đội mình thắng một hiệp
+ Trường hợp cả 2 đội không trả lời đúng sẽ coi như Hòa. Hiệp đó không tính vào số hiệp thắng.
+ Kết thúc trò chơi đội nào có số hiệp thắng nhiều hơn (tương đương với trả lời đúng nhiều câu hỏi hơn) sẽ là đội chiến thắng.

- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.

Câu 1: Câu dưới đây là câu đơn hay câu ghép? ***Dân làng vây quanh em bé, hỏi em từ đâu tới, em tên em là gì, nhưng em chỉ cười.***	- Câu đơn
Câu 2: Xác định chủ ngữ phải vị ngữ của câu trên	- ***Dân làng/ vây quanh em bé, hỏi em từ đâu tới, em tên em là gì, nhưng em/ chỉ cười.***
Câu 3: đặt câu ***a. Một câu đơn về nhân vật nay ngọc chung bài đọc tiếng hát người đá.*** ***b. Một câu ghép về nội dung bài đọc tiếng hát người đá.***	- HS đặt câu
- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..) - GV nhận xét tiết dạy. Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Toán:

Bài 36: TỈ SỐ. TỈ SỐ PHẦN TRĂM (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được tỉ số, tỉ số phần trăm của hai đại lượng cùng loại; đọc, viết được tỉ số, tỉ số phần trăm
- Vận dụng giải được các bài tập, bài toán có liên quan đến tỉ số, tỉ số phần trăm.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Viết thương của phép chia 5 : 9 dưới dạng phân số. + Câu 2: Trong các phân số sau: $\frac{3}{5}$; $\frac{89}{100}$; $\frac{45}{10}$ phân số nào là phân số thập phân ?	- HS tham gia trò chơi + Câu 1: $\frac{5}{9}$ + Câu 2: $\frac{89}{100}$ $\frac{89}{100}$; $\frac{45}{10}$ $\frac{45}{10}$

+ Câu 3: Viết phân số: $\frac{11}{25}$ thành phân số thập phân có mẫu số là 100? Câu 4: Chuyển phân số thập phân: $\frac{48}{100}$ thành số thập phân. - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Câu 3: $\frac{44}{100}$ + Câu 4: 0,48 - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
2. Khám phá:	
Hoạt động khám phá a: GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống: + Trong bến xe buýt có tất cả mấy ô tô? + Trong 7 ô tô có bao nhiêu ô tô điện? Bao nhiêu ô tô chạy bằng xăng? + Ta coi 7 ô tô trong bến là 7 phần thì ô tô điện là mấy phần như thế? Ô tô chạy bằng xăng là mấy phần như thế? + Số ô tô điện chiếm 3 phần mấy số ô tô ở bến? 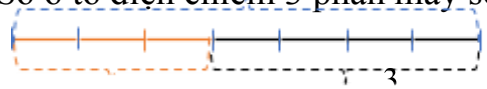 - G[illegible] ***c gọi là tỉ số*** ***Ta nói: Tỉ số của ô tô điện và số ô tô ở bến là 3 : 7 hay $\frac{3}{7}$; viết là: $\frac{3}{7}$; đọc: ba phần bảy*** + Gọi 2 - 3 HS đọc + Tỉ số $\frac{3}{7}$ cho biết gì? + Tỉ số của ô tô điện và số ô tô ở bến là bao nhiêu? + Tỉ số của ô tô chạy bằng xăng và số ô tô ở bến là bao nhiêu? + Tỉ số của ô tô điện và số ô tô chạy bằng xăng là bao nhiêu? + Tỉ số của ô tô chạy bằng xăng và số ô tô điện là bao nhiêu?	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: + Trong bến xe buýt có tất cả 7 ô tô. + Có 3 ô tô điện, 4 ô tô chạy bằng xăng. + Ô tô điện là 3 phần, ô tô chạy bằng xăng là 4 phần như thế. + Số ô tô điện chiếm $\frac{3}{7}$ số ô tô ở trong bến. + 2 - 3 HS đọc + Tỉ số $\frac{3}{7}$ cho biết số ô tô điện bằng $\frac{3}{7}$ số ô tô ở trong bến. + Tỉ số của ô tô điện và số ô tô ở bến là $\frac{3}{7}$ + Tỉ số của ô tô chạy bằng xăng và số ô tô ở bến là 3 : 7 hay $\frac{4}{7}$ + Tỉ số của ô tô điện và số ô tô chạy bằng xăng là 3 : 4 hay $\frac{3}{4}$

- GV nhận xét và kết luận: ***Tỉ số của a và b là a : b hay*** $\frac{a}{b}$ ***(b khác 0).***	+ Tỉ số của ô tô chạy bằng xăng và số ô tô điện là 4 : 3 hay $\frac{4}{3}$ - HS lắng nghe và 3 - 4 HS nhắc lại quy tắc
Hoạt động khám phá b: - GV gọi HS đọc nội dung ý b + Bạn rô-bốt khảo sát bao nhiêu bạn khối 5 tham gia các môn thể thao? + Có bao nhiêu bạn tham gia môn bơi? + Có bao nhiêu bạn tham gia môn cờ vua? + Có bao nhiêu bạn tham gia môn cầu lông? + Tỉ số của số bạn tham gia ở môn bơi và số bạn được khảo sát là bao nhiêu? + Tỉ số của số bạn tham gia ở môn cờ vua và số bạn được khảo sát là bao nhiêu? + Tỉ số của số bạn tham gia ở môn cầu lông và số bạn được khảo sát là bao nhiêu? - Mẫu số của 3 tỉ số trên có gì đặc biệt? - GV nhận xét, kết luận: ***Các tỉ số*** $\frac{43}{100}$ ***;*** $\frac{31}{100}$ ***;*** $\frac{26}{100}$ ***được gọi là các tỉ số phần trăm. Tỉ số*** $\frac{43}{100}$ ***đọc là: bốn mươi ba phần trăm; viết là 43%; % là kí hiệu phần trăm*** - Gọi HS đọc: 43% + Tỉ số của số bạn tham gia ở môn bơi và số bạn được khảo sát là bao nhiêu phần trăm? + Tỉ số 43% cho biết điều gì? + Tỉ số 43% được biểu thị dưới dạng phân số thập phân nào? - GV nhận xét: Tỉ số phần trăm của số bạn tham gia môn bơi và số bạn được khảo sát là 43%. Tỉ số này cho biết cứ 100 bạn được khảo sát thì có 43 bạn tham gia môn bơi. + Tỉ số của số bạn tham gia ở môn cờ vua và số bạn được khảo sát là bao nhiêu phần trăm? + Tỉ số 31% cho biết điều gì? + Tỉ số của số bạn tham gia ở môn cầu lông và số bạn được khảo sát là bao nhiêu phần trăm? + Tỉ số 26% cho biết điều gì? - Gọi HS đọc: 31%; 26% GV nhận xét tuyên dương	- 1 HS đọc + Bạn rô-bốt khảo sát 100 bạn tham gia các môn thể thao. + Có 43 bạn tham gia môn bơi. + Có 31 bạn tham gia môn cờ vua. + Có 26 bạn tham gia môn cầu lông + $\frac{43}{100}$ + $\frac{31}{100}$ + $\frac{26}{100}$ - Mẫu số đều là 100. - HS theo dõi - 3 đến 4 HS đọc + 43% + Cứ 100 bạn được khảo sát thì có 43 bạn tham gia môn bơi. + $\frac{43}{100}$ - HS lắng nghe + 31% + Cứ 100 bạn được khảo sát thì có 31 bạn tham gia môn vờ vua. + 26% + Cứ 100 bạn được khảo sát thì có 31 bạn tham gia môn cầu lông. - 2 đến 3 HS đọc

	- Lắng nghe

2. Hoạt động

Bài 1. Hoàn thành bảng bên (theo mẫu).

Số thứ nhất	Số thứ 2	Tỉ số của số thứ nhất và số thứ hai
3	11	$\frac{3}{11}$
13	17	$\frac{13}{17}$
17	13	$\frac{17}{13}$
m	N (khác 0)	$\frac{m}{n}$

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm 4 vào phiếu học tập
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.
- HS thảo luận nhóm 4

- Các nhóm báo cáo kết quả.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Số?

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- Bài toán cho biết gì?

- Bài toán hỏi gì?

- GV mời HS làm bài cá nhân vào vở.

- 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.
- Một trường tiểu học có 23 bạn nữ và 17 bạn nam tham gia cuộc thi trạng nguyên nhí.
- Tìm tỉ số của: a) số bạn nữ và số bạn nam; b) số bạn nam và số bạn nữ; c) số bạn nữ và tổng số bạn tham gia.
- HS làm cá nhân vào vở.

a) Tỉ số của số bạn nữ và số bạn nam là $\frac{23}{17}$

b) Tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ là $\frac{17}{23}$

c) Tỉ số của số bạn nữ và tổng số bạn tham gia là $\frac{23}{40}$

- GV thu bài, chấm và đánh giá kết quả, tuyên dương.
- Hỏi thêm:

+ Tỉ số của số bạn nam và tổng số bạn tham gia là bao nhiêu?

- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

+ Tỉ số của số bạn nữ và tổng số bạn tham gia là $\frac{17}{40}$

Bài 3. Chọn bông hoa ghi tỉ số ứng với tỉ số phần trăm ghi trên mỗi con ong.

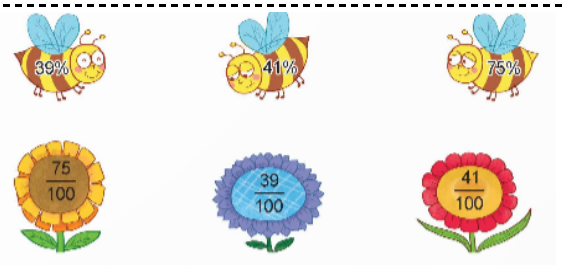

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi: nối bông hoa với con ong ghi tỉ số phần trăm tương ứng

- 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.
- HS thảo luận nhóm đôi

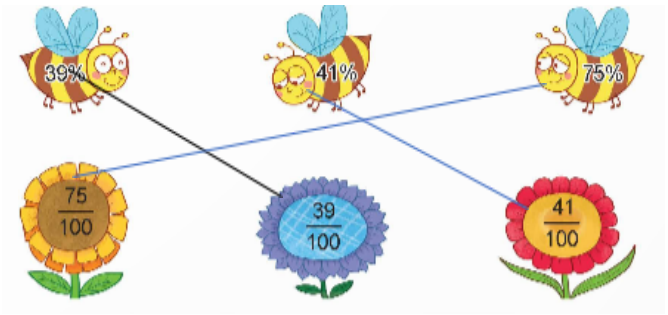

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- Đại diện các nhóm trả lời.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh – Ai đúng".	- HS lắng nghe trò chơi và tham gia chơi
+ Câu 1: Tỉ số $\frac{68}{100}$ được viết dưới dạng tỉ số phần trăm là: A. 6,8% B. 68% C. 86% D. 8,6%	+ Câu 1. B
+ Câu 2: Lớp 5A có 17 học sinh nam và 18 học sinh nữ. Tỉ số của số bạn nữ và tổng số học sinh của cả lớp là: A. $\frac{17}{18}$ B. $\frac{18}{17}$ C. $\frac{17}{35}$ D. $\frac{18}{35}$	+ Câu 2. D
+ Câu 3: Lớp 5A có 17 học sinh nam và 18 học sinh nữ. Tỉ số của số bạn nam và tổng số học sinh của cả lớp là: A. $\frac{17}{18}$ B. $\frac{18}{17}$ C. $\frac{17}{35}$ D. $\frac{18}{35}$	+ Câu 3. C
+ Câu 4: Lớp 5A có 17 học sinh nam và 18 học sinh nữ. Tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ là: A. $\frac{17}{18}$ B. $\frac{18}{17}$ C. $\frac{17}{35}$ D. $\frac{18}{35}$	+ Câu 4. A
- Đánh giá tổng kết trò chơi.	- HS lắng nghe
- GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Khoa học:

Bai 18: VI KHUẨN XUNG QUANH CHÚNG TA (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận ra được vi khuẩn có kích thước nhỏ, không thể nhìn thấy bằng mắt thường.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động theo nhóm đôi hỏi đáp nội dung sau: + Vì sao em cần rửa tay bằng nước sạch, xà phòng trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh? - GV mời một số nhóm trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: GV dựa trên ý kiến của HS liên quan đến vi khuẩn để dẫn dắt vào nội dung bài học.	- HS thảo luận nhóm hỏi đáp lẫn nhau về yêu cầu của GV. + HS dựa vào trải nghiệm của bản thân (người lớn dạy, xem tivi,..) chia sẻ nhiều ý kiến khác nhau, ví dụ: tay bẩn, nhiều vi trùng, vi khuẩn; khi đi vệ sinh có thể dính nước tiểu, phân nên cần rửa tay; rửa tay cho sạch hoặc để tiêu diệt vì khuẩn, vi trùng;... - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
*** KÍCH THƯỚC CỦA VI KHUẨN** **Hoạt động 1: Nhận ra được vi khuẩn không thể nhìn bằng mắt thường, có kích thước rất nhỏ.** *a. Dự đoán và chia sẻ về vi khuẩn trong các mẫu* - GV giới thiệu một số mẫu vật, nhắc nhở HS các mẫu vật này có thể chứa vi khuẩn và yêu cầu HS không tự ý sờ tay vào. Yêu cầu HS quan sát các mẫu trong khay và dự đoán mẫu	- HS làm việc theo nhóm: + Đại diện nhóm lên lấy khay mẫu, đeo găng tay. Thư ki nhóm lên lấy phiếu học tập.

nào chứa vi khuẩn. Chia sẻ những điều em biết về vi khuẩn có trong những mẫu đó.  Hình 1 - GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ: + Các nhóm sắp xếp các phiếu học tập trên bảng. Thực hiện theo yêu cầu: cả lớp quan sát sản phẩm nhóm khác và phát hiện điểm giống, điểm khác với nhóm mình. + Mới 1 nhóm nêu nhận xét, các nhóm khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung các phát hiện khác các bạn. - GV dựa trên các ý kiến giống và khác nhau giữa các nhóm, tổ chức hỏi - đáp (phỏng vấn) một số nhóm để hiểu rõ hơn những ý kiến của HS đã nêu. Ví dụ: + Những mẫu nào chứa vi khuẩn? + Vì sao em cho rằng mẫu đó chứa vi khuẩn? hoặc từ mà em biết những điều (đã nêu ở trên) về vi khuẩn trong mẫu vật? *b. Đề xuất cách quan sát vi khuẩn* - GV dẫn dắt để HS đề xuất cách quan sát tìm hiểu về vi khuẩn: + Khẳng định ý kiến đúng của HS: những đồ vật đã quan sát đều chứa vi khuẩn. + Các em đã thực sự từng nhìn thấy vi khuẩn trên mẫu vật đó chưa? + Theo em vi khuẩn nhỏ như những sinh vật nào em thường thấy (như con kiến/râu con kiến,..) Vậy, theo các em làm thế nào chúng ta có được các hình ảnh vi khuẩn mà các em nhìn thấy ở trên ti-vi hay ở trong sách hoặc các em hãy đề xuất cách để quan sát, tìm hiểu về vi khuẩn.	+ Nhóm trưởng yêu cầu từng bạn quan sát, dự đoán mẫu chứa vi khuẩn. + Lần lượt từng bạn trong nhóm chia sẻ dự đoán (mỗi bạn chỉ chia sẻ 1-2 mẫu); các bạn bổ sung thêm ý kiến, dự đoán về vi khuẩn trong các mẫu. - Nhóm trưởng thống nhất để thư ki ghi cột 1 của phiếu. Ví dụ: + Mẫu... có hoặc không có vi khuẩn. + Mô tả hoặc vẽ mô phỏng về hình dạng, kích thước vi khuẩn... (như hình tròn, nốt chấm, màu... - HS lắng nghe - Đại diện 1 nhóm lên trình bày kết quả nhóm mình, nhận điểm giống và khác với nhóm bạn. - Nhóm khác bổ sung ý kiến phát hiện và đặt câu hỏi cho nhóm bạn (nếu cần). - Một số HS trả lời câu hỏi của GV + Trên tất cả các mẫu vật. + Có thể nêu ra một số ý kiến từ những trải nghiệm của bản thân (Ví dụ: đã từng xem ở trên tỉ-vi, đọc sách, mẹ nói hoặc nhìn thấy... rất nhiều vi khuẩn ở trong đất, vi khuẩn nhỏ xíu,..). - HS theo câu hỏi dẫn dắt của GV có thể trả lời được một số ý như: + HS lắng nghe + Chưa từng thực sự nhìn thấy vi khuẩn ở ngoài đời.

- GV tổ chức cho HS đọc khung thông tin trang 67. Có thể giới thiệu thêm hình ảnh, tác dụng của kinh hiển vi giúp cho việc nghiên cứu về vi khuẩn, từ đó chuyển tiếp sang hoạt động 2. **Hoạt động 2: Đối chiếu với thông tin khoa học, chính xác hoá kiến thức, nhận ra kích thước của vi khuẩn.** - GV giới thiệu hình 3 về một số vi khuẩn thu được ở các mẫu trong hình 1. 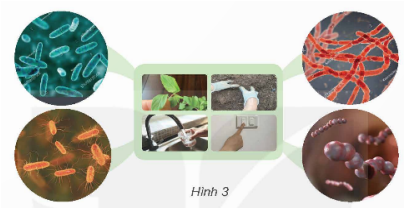 Hình 3 - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm cũ, quan sát, hình ảnh vi khuẩn và nhận xét hình dạng, kích thước của vi khuẩn. - Tổ chức HS chia sẻ kết quả của nhóm trước lớp: + Mời HS chia sẻ kết quả làm việc của nhóm + Yêu cầu HS đối chiếu kết quả với dự đoán ban đầu và đưa ra nhận xét về vi khuẩn có trong các mẫu vật. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: ***Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ. Để quan sát nghiên cứu về vi khuẩn cần sử dụng kính hiển vi có độ phóng đại lớn.***	+ Vi khuẩn nhỏ hơn con kiến, nhỏ hơn râu con kiến hoặc không biết. - HS đề xuất một số dụng cụ (nhìn ống nhòm, kính lúp, kính hiển vi... và đọc sách. - HS đọc khung thông tin và quan sát hình 2. Có thể hình tưởng tượng tới mức độ lớn hơn hàng nghìn lần của một vật khi nhìn qua kính hiển vi (ví dụ như khi kết nối hàng nghìn các dấu chấm lại với nhau). - HS quan sát - HS làm việc nhóm: quan sát hình ảnh các mẫu với hình phóng to vi khuẩn từ các mẫu đó; nêu nhận xét về hình dạng, kích thước của vi khuẩn; thảo luận và cùng thống nhất kết quả. - Đại diện HS chia sẻ kết quả nhận xét về vi khuẩn, HS khác bổ sung, trình bày được: + Nhận xét về vi khuẩn trong hình phóng to các mẫu: Các mẫu đều có vi khuẩn, vi khuẩn có hình dạng khác nhau. + Nhận xét sau khi đối chiếu kết quả quan sát với dự đoán ban đầu: Quan sát mắt thường không nhìn thấy vi khuẩn; qua hình ảnh chụp từ kính hiển vi đã nhìn rõ hình dạng vi khuẩn trong các mẫu vật. - Nhóm khác nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe
3. Hoạt động luyện tập.	
Hoạt động trò chơi: "Sạt điện"	

- GV tổ chức trò chơi "Sạt điện". - Nội dung: Dựa vào câu hỏi phần ở đầu, đọc thông tin ở bản sau và giải thích ý nghĩa của việc rửa tay. 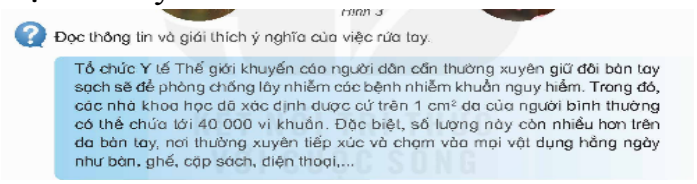 Đọc thông tin và giải thích ý nghĩa của việc rửa tay. Tổ chức Y tế Thế giới khuyến cáo người dân cần thường xuyên giữ đôi bàn tay sạch sẽ để phòng chống lây nhiễm các bệnh nhiễm khuẩn nguy hiểm. Trong đó, các nhà khoa học đã xác định được cứ trên 1 cm^2 da của người bình thường có thể chứa tới 40 000 vi khuẩn. Đặc biệt, số lượng này còn nhiều hơn trên da bàn tay, nơi thường xuyên tiếp xúc và chạm vào mọi vật dụng hằng ngày như bàn, ghế, cặp sách, điện thoại,...	- HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, trao đổi, chia sẻ với bạn cùng bàn.
- Luật chơi: + Chia làm 3 đội, đội trả lời đúng có quyền chỉ (sạc điện) đội bạn trả lời, HS sau không trùng ý với HS trước. + Đội nào trả lời sai thì ngừng cuộc chơi. + Trong 10 phút, đội nào có số câu trả lời đúng nhiều nhất sẽ là đội chiến thắng.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. HS có thể nêu được một số lí do như: + Giảm lượng vi khuẩn dinh trên da tay. + Ngăn chặn vi khuẩn gây bệnh từ tay vào miệng và cơ thể. + Phòng chống bị lây nhiễm các bệnh nhiễm vi khuẩn nguy hiểm. + Tay thường sở, chạm vào nhiều đồ vật, nguy cơ nhiễm rất nhiều vi khuẩn mà nhìn mắt thường không thấy được nên cần rửa tay để loại bỏ (tiêu diệt) chúng.
- GV tổng kết trò chơi. - GV khen ngợi các nhóm đã đưa ra rất nhiều lí do cần thiết phải rửa tay. Có thể hỏi thêm HS: 40.000 vi khuẩn trên 1 cm' da là nhiều hay ít, các em có thể nhìn thấy chúng trên da không? Vì sao?	- HS lắng nghe. - HS trả lời câu hỏi gợi ý thêm.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổng kết và kết thúc tiết 1, dặn HS chuẩn bị cho tiết 2: Về quan sát, dự đoán viết tên những đồ vật nào ở nhà có thể có hoặc không có chứa vi khuẩn, Vì sao em biết? để chia sẻ ở tiết 2. - Dặn HS sẽ thực hiện việc rửa tay hằng ngày (ngay sau khi về nhà thực hiện rửa tay trước khi ăn trưa, sau khi đi vệ sinh). - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh thực hành ở nhà để báo cáo trước lớp vào tiết 2. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Giáo dục thể chất:

BÀI 2: BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LỘN XUÔI. (TIẾT 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được bài tập rèn luyện kĩ năng lộn xuôi; xử lí được một số tình huống trong tập luyện.
- Bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.
- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

***2.* Về năng lực:**

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước bài tập rèn luyện kĩ năng lộn xuôi, Trò chơi "Tuyển phi công" trong sách giáo khoa.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

2.2. Năng lực đặc thù:

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.
- NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh và thực hiện được các bài tập, Trò chơi "Tuyển phi công".
- NL thể dục thể thao: Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện.

3.Về phẩm chất: Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.

+ Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7'		
1. Nhận lớp:		Gv nhận lớp, thăm	Đội hình nhận lớp

- Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	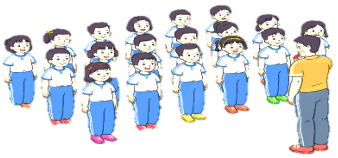 - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học
2. Khởi động:	2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động

- Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) -Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8N		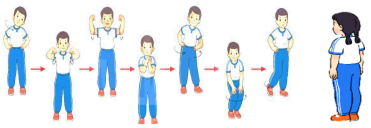 - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi " Kết bạn" - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi 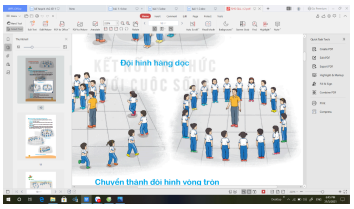 - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá **2. Hình thành động tác mới:** - Ôn Lộn xuôi: 		- GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác.	HS lắng nghe
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV cùng thực hiện 1-2 lần điều khiển cho cả lớp tập đồng loạt	- HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kĩ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16'		
1. Tập đồng loạt	2-3 lần	- Gv quan sát, sửa sai cho HS.	ĐH tập luyện đồng loạt. 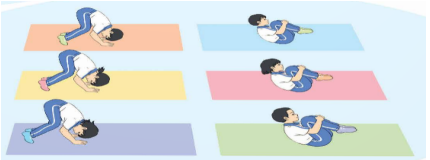 CS điều khiển, HS thực hiện

2. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ  - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
3. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	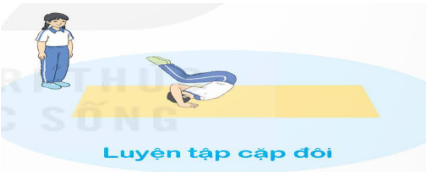 + Yêu cầu:1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập… Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
4. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
5. Trò chơi vận động: * Trò chơi: "Tuyển phi công"	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua. *Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.*	ĐH chơi trò chơi 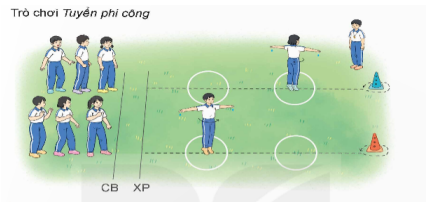 - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv -HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5'		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc).		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân	Đội hình hồi tĩnh 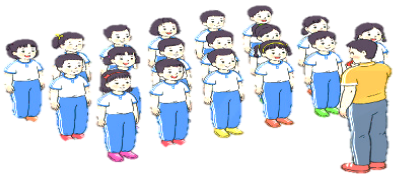 - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận

2. Vận dụng:		- GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 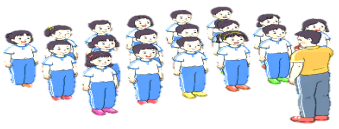
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

V. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Ba ngày 20 tháng 01 năm 2026

Tiếng Việt:

VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Tìm hiểu cách viết bài văn tả người qua bài đọc "Chú bé vùng biển".
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho HS hát bài " Trái đất này là của chúng mình", sáng tác Trương Quang Lục để khởi động bài học.	- HS hát - HS lắng nghe.

+ GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát. ? Trong bài hát các bạn nhỏ có những màu màu da khác nhau như thế nào? ? Tuy có sự khác biệt như vậy nhưng các bạn nhỏ đều được ví giống như những gì? - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: *Trong bài hát " Trái đất này là của chúng mình" các em thấy có rất nhiều trẻ em ở những châu lục với những màu da khác nhau, nhưng không hề có sự phân biệt về ngoại hình mà tất cả các bạn nhỏ đều rất đáng yêu, đáng quý. Các em ạ, khi sinh ra mỗi chúng ta đều đã có những đặc điểm ngoại hình khác nhau, riêng biệt. Bài học hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu về cấu tạo bài văn tả người.*	- Bạn có màu da vàng, da trắng, da đen. - Các bạn giống như những bông hoa thơm, bông hoa quý…
2. Khám phá.	
Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu. - GV mời 1 HS đọc bài văn " Chú bé vùng biển", 1 HS đọc to phần câu hỏi. - GV áp dụng kĩ thuật mảnh ghép để thực hiện 4 yêu cầu của bài tập 1. - *Lượt 1:* GV cho HS bốc thăm bông hoa có đánh số sẵn từ 1 đến 4. Sau đó những HS có số giống nhau di chuyển tạo thành một nhóm, trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV vào VBT TV. (Nhóm bông hoa số 1 trả lời ý a; nhóm bông hoa số 2 trả lời ý b; nhóm bông hoa số 3 trả lời ý c; nhóm bông hoa số 4 trả lời ý d). - *Lượt 2:* Hết thời gian, GV yêu cầu HS ở các nhóm lượt 1 di chuyển để tạo thành 4 mảnh ghép, tiếp tục thảo luận để hoàn thiện bài tập 1. - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận: a) Người được tả trong bài văn trên là ai? b) Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn trên và nêu nội dung chính của mỗi phần.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - HS hoạt động theo nhóm mảnh ghép, di chuyển theo sự hướng dẫn của GV. - HS hoạt động theo nhóm mảnh ghép, di chuyển theo sự hướng dẫn của GV. - HS báo cáo: a) Người được tả trong bài văn trên là Thắng, cậu bé được ví như con cá vược của thôn Bần, là người bơi giỏi trong số đám trẻ của thôn. b) - *Phần mở bài của bài văn:* Từ "Thắng" đến "đáng gờm nhất của bọn trẻ". Nội dung chính: Giới thiệu nhân vật Thắng và tài năng của cậu bé.

c) Trong phần thân bài, đặc điểm của người được tả (một đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển) hiện ra như thế nào?

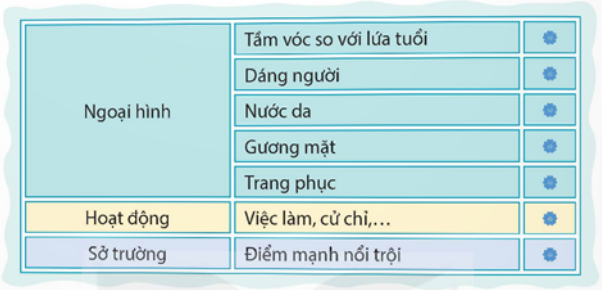

- *Phần thân bài của bài văn:* Từ "Lúc này" đến "biến đi như một con cá".

Nội dung chính: Miêu tả dáng vóc, thân hình, tư thế và tác phong làm việc, cách bơi của cậu bé Thắng.

- *Phần kết bài của bài văn:* Câu còn lại.

Nội dung chính: Miêu tả thái độ, cảm xúc của bạn bè với cậu bé Thắng.

Ngoại hình	Tầm vóc so với lứa tuổi	Cao hơn hẳn các bạn một cái đầu.
	Dáng người	Thân hình rắn chắc, cân đối, nở nang: cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo, cặp đùi dế chắc nịch.
	Nước da	Nước da rám đỏ khoẻ mạnh
	Gương mặt	Cặp mắt to và sáng. Miệng tươi, hay cười. Cái trán hơi dô ra.
	Trang phục	Cởi trần
Hoạt động	Việc làm cử chỉ...	- Lúc đan lưới: tay Thắng cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt coi bộ rất thành thạo. - Lúc trông thấy các bạn: nó vội vàng đặt tấm lưới trên gối xuống, bước đến bên mạn thuyền, bám tay vào cọc chèo và đu mình xuống nước, êm không một

d. Bằng cách nào, tác giả làm nổi bật đặc điểm của người được tả?

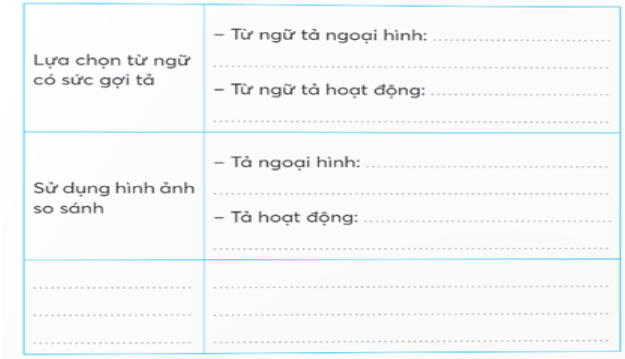

- Mời cả lớp nhận xét nhận xét.
- GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết:

Qua bài tập 1 các em đã được làm quen với cấu tạo của một bài băn tả người. Vậy khi viết bài văn tả người chúng ta cần lưu ý gì về bố cục và việc lựa chọn chi tiết, chúng ta cùng chuyển sang bài tập 2.

		tiếng động. Nó ngụp một cái lặn biến đi như một con cá.
Sở trường	Điểm mạnh nổi trội	Bơi ngụp, lặn xuống nước giỏi như một con cá.

Lựa chọn các từ ngữ có sức gợi tả	- Từ ngữ tả ngoại hình: nước da rám đỏ; thân hình rắn chắc, cân đối, nở nang, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi; - Từ ngữ tả hoạt động: đưa lên đưa xuống thoăn thoắt, đu mình xuống nước,
Sử dụng hình ảnh so sánh	- Tả ngoại hình: hai cánh tay gân guốc như hai mái bơi chèo - Tả hoạt động: Nó ngụp một cái lặn biến đi như một con cá.

- Cả lớp nhận xét nhận xét.
- HS lắng nghe.

Bài 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả người.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2

- GV cho HS thảo luận nhóm 2, trả lời câu hỏi vào VBT TV.
- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả:



- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.
- HS làm việc nhóm 2.

Những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả người:

+ Bố cục của bài văn phải đảm bảo có đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

+ Cách lựa chọn chi tiết miêu tả: cần chọn lựa các chi tiết tiêu biểu, khi miêu tả có thể làm rõ liên tưởng, hình dung về người được tả.

+ Cần quan sát người được tả thật kĩ: về ngoại hình, thói quen, cử chỉ, hành động,

	công việc, quan hệ của người đó với mọi người xung quanh.
- GV mời cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương và chốt: *Như vậy, khi viết bài văn tả người các bạn cần chú ý bài viết phải đầy đủ bố cục 3 phần, mỗi phần cần chú ý lựa chọn những chi tiết hay tiêu biểu. Đó cũng chính là kiến thức mà ngày hôm nay cô muốn giới thiệu với lớp mình.* - HS đọc ghi nhớ SGK (12)	+ Chọn từ ngữ miêu tả thích hợp: dùng từ ngữ phù hợp với người miêu tả về tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp. - Lớp nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe. - HS đọc ghi nhớ.
3.Vận dụng.	
Bài 1. Tìm đọc các đoạn văn hoặc bài văn tả người (trẻ em, người lớn….) - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. - GV mời cả lớp làm bài tập. - GV yêu cầu HS chữa bài, nhận xét. - Khi tả em bé theo em cần lưu ý điều gì? - Khi tả người lớn theo em cần lưu ý điều gì? - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: *Người lớn và trẻ nhỏ có những đặc điểm khác nhau do độ tuổi, vì vậy khi miêu tả chúng ta cần lưu ý lựa chọn những chi tiết tiêu biểu phù hợp.* ***Bài 2:Tìm đọc sách báo nói về người tốt, việc tốt*** - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2. - GV giao cho HS về nhà tìm đọc sách báo nói về người tốt, việc tốt với yêu cầu sau: + Tên sách hoặc báo: + Người tốt, việc tốt được nói đến: - Giờ sau HS sẽ chia sẻ trước lớp. - GV gợi ý một số sách, báo nói về người tốt việc tốt cho HS: 	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp lắng nghe. - Cả lớp làm bài: - HS chữa bài, nhận xét. - Lựa chọn những nét trong sáng, đáng yêu để miêu tả, những cử chỉ hoạt động điển hình của em bé(dáng tập đi, tập nói..) - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu về ngoại hình và hoạt động để miêu tả - HS lắng nghe

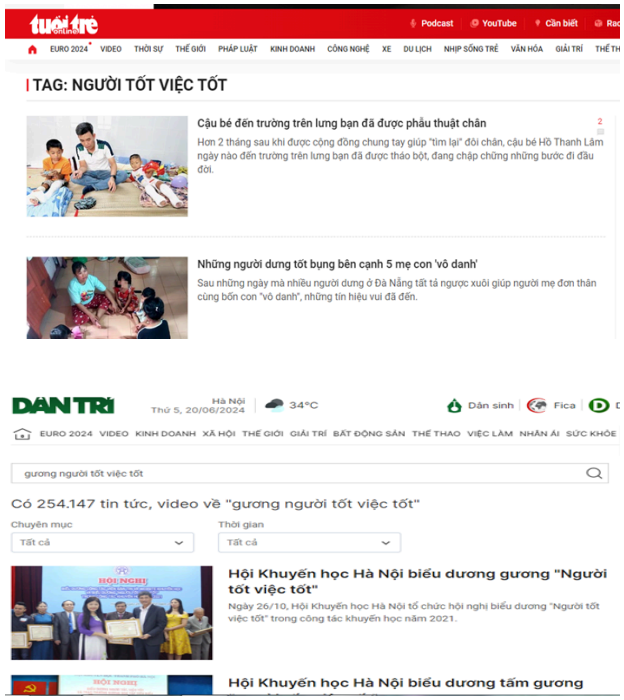

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 36: TỈ SỐ. TỈ SỐ PHẦN TRĂM (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Viết được tỉ số, tỉ số phần trăm
- Vận dụng giải được các bài tập, bài toán có liên quan đến tỉ số, tỉ số phần trăm.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Chuyền hoa": Cách chơi như sau: Người quản trò sẽ bắt nhịp một bài hát, cả lớp cùng hát theo và cùng chuyền bông hoa đi. Sau khi kết thúc bài hát, bạn nào cầm bông hoa trên tay sẽ phải đọc to và trả lời câu hỏi đã được giấu trong hoa.	- HS tham gia trò chơi - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.

+ Câu hỏi: Tỉ số phần trăm của số học sinh giỏi và số học sinh toàn trường là 20%. Tỉ số này cho ta biết gì? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Tỉ số 20% cho ta biết: cứ 100 học sinh toàn trường thì có 20 bạn học sinh giỏi. - Lắng nghe - Lắng nghe
2. Hoạt động thực hành:	
Bài 1. Chọn câu trả lời đúng. - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.
	
- Hỏi: + Lớp 5A có bao nhiêu bạn tham gia tổng vệ sinh? + Lớp 5B có bao nhiêu bạn tham gia tổng vệ sinh? + Lớp 5C có bao nhiêu bạn tham gia tổng vệ sinh? - GV mời HS làm việc nhóm đôi.	+ Lớp 5A có 20 bạn tham gia tổng vệ sinh. + Lớp 5B có 24 bạn tham gia tổng vệ sinh. + Lớp 5C có 17 bạn tham gia tổng vệ sinh. - HS thảo luận nhóm đôi
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	+ Tỉ số $\frac{17}{24}$ là: C. Tỉ số của số bạn lớp 5C và số bạn lớp 5B. - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Hỏi thêm: + Hãy nêu tỉ số của số bạn lớp 5A và số bạn lớp 5B? + Hãy nêu tỉ số của số bạn lớp 5A và số bạn lớp 5C? + Hãy nêu tỉ số của số bạn lớp 5B và số bạn lớp 5A? … - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	+ $\frac{20}{24}$ + $\frac{20}{17}$ + $\frac{24}{20}$ - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
Bài 2. Viết các tỉ số dưới đây thành các tỉ số phần trăm (theo mẫu) - GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.

- GV hướng dẫn mẫu: Ta áp dụng tính chất cơ bản của phân số để làm ý a. Mẫu: a) $\frac{9}{25}=\frac{9\times4}{25\times4}=\frac{36}{100}=36\%$ + Thầy đã nhân cả tử số và mẫu số của phân số cùng với số tự nhiên nào? Mẫu: b) 37,5 :100 = 37,5% - GV mời HS làm bài cá nhân vào vở. - GV thu vở, nhận xét một số bài - Yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng - GV nhận xét, tuyên dương **Bài 3. Đ, S?** - GV yêu cầu HS đọc đề bài. + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi - GV mời đại diện các nhóm trả lời. - GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai). **Bài 4. Tại một trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động, người ta kiểm tra 100 ô tô thì 92 ô tô có tải trọng đạt chuẩn. Hỏi trong 100 xe ô tô đó:**	+ Nhân cả tử số và mẫu số cho 4. - HS làm bài cá nhân vào vở, 2 HS làm trên bảng. a) $\frac{50}{200}=\frac{25}{100}=25\%$; $\frac{75}{300}=\frac{25}{100}=25\%$; $\frac{1}{4}=\frac{25}{100}=25\%$ b) 5,2 : 100 = 5,2%; 110,6 : 100 = 110,6%; 0,5 : 100 = 0,5% - HS nhận xét bài bạn - Lắng nghe - 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. + Bài toán cho biết: trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉ số giới tính khi sinh của Hà Nội là 113 trẻ trai/ 100 trẻ gái. Tỉ số giới tính khi sinh cùng kì năm 2021 là 112,7 trẻ trai/100 trẻ gái. + Bài toán hỏi: a) Trong 6 tháng đầu năm 2022, tỉ số của số trẻ trai và số trẻ gái là bao nhiêu phần trăm? Mai nói: 112,7% ☐ Việt nói: 1 ☐ % b) Trong 6 tháng đầu năm 2021, tỉ số của số trẻ trai và số trẻ gái là bao nhiêu phần trăm? Mai nói: 112,7% ☐ Việt nói: ☐ % - HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu. a) Mai nói: 112,7% S ; Việt nói: 113% Đ b) Mai nói: 112,7% Đ ; Việt nói: 113% S - Đại diện các nhóm trả lời - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe (sửa sai nếu có)

a) Số ô tô có tải trọng đạt chuẩn chiếm bao nhiêu phần trăm? **b) Số ô tô có tải trọng không đạt chuẩn chiếm bao nhiêu phần trăm?** - GV yêu cầu HS đọc đề bài. + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Số ô tô có tải trọng đạt chuẩn biết chưa? + Số ô tô có tải trọng chưa đạt chuẩn biết chưa? + Làm thế nào để biết số ô tô có tải trọng chưa đạt chuẩn? - GV yêu cầu HS làm vào vở. - GV thu vở, nhận xét một số bài - Yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai nếu có)	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. + Bài toán cho biết: Tại một trạm kiểm tra tải trọng xe, người ta kiểm tra 100 xe ô tô thì 92 ô tô có tải trọng đạt chuẩn. + Bài toán hỏi: a) Số ô tô có tải trọng đạt chuẩn chiếm bao nhiêu phần trăm? b) Số ô tô có tải trọng không đạt chuẩn chiếm bao nhiêu phần trăm? + Biết rồi: 92 ô tô + Chưa biết + Ta lấy 100 – 92 = 8 ô tô - HS làm bài tập vào vở, 1 HS làm trên bảng. Bài giải Số ô tô có tải trọng không đạt chuẩn là: 100 – 92 = 8 (ô tô) a) Số ô tô có tải trọng đạt chuẩn chiếm số phần trăm là: $\frac{92}{100} = 92\%$ b) Số ô tô có tải trọng không đạt chuẩn chiếm số phần trăm là: $\frac{8}{100} = 8\%$ Đáp số: a) 92%; b) 8% - HS nhận xét bài trên bảng - Lắng nghe (sửa sai nếu có)
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh – Ai đúng". + GV nêu bài toán: *Một vườn cây có 1000 cây, trong đó có 540 cây ăn quả và còn lại là cây lấy gỗ. Hỏi số cây ăn quả chiếm bao nhiêu phần trăm số cây trong vườn?*	- HS lắng nghe trò chơi và tham gia chơi + 54%

- Tổng kết trò chơi, khen HS tham gia chơi. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	 - HS lắng nghe - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH LÀ TỔ ẤM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Biết tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình bằng những hoạt động chuẩn bị đón tết nguyên đán.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Một số tranh ảnh, video về trách nhiệm của HS với gia đình.Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động.	
Hoạt động 1: - GV chiếu cho HS nghe hát bài "Ngày tết quê em" để khởi động bài học. https://www.youtube.com/watch?v=K24siQmNe0c&t=63s - GV : Bài hát nói về chủ đề gì? Dẫn dắt vào chủ đề: Tết là dịp để mọi thành viên trong gia đình quây quần bên nhau, thăm hỏi sức khỏe, kể lại cho nhau những điều đã diễn ra trong một năm. Cần làm gì để bầu không khí tết trong gia đình luôn vui vẻ, đầm ấm thì chúng ta cùng tìm hiểu tiết học ngày hôm nay	 - HS theo dõi, lắng nghe bài hát - Bài hát nói về chủ đề tết - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá – Trải nghiệm chủ đề.	
Hoạt động 1: Tìm hiểu về những điều kiện tạo nên không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình - GV cho HS ngồi theo nhóm, yêu cầu HS lần lượt chia sẻ những khoảng thời gian	 - HS ngồi theo nhóm và chia sẻ theo hướng dẫn của GV.

vui vẻ, đầm ấm của gia đình mình theo các gợi ý sau:  - GV mời 4 đến 5 HS chia sẻ về khoảng thời gian vui vẻ, đầm ấm của gia đình mình trước lớp. - GV Nhận xét tuyên dương và kết luận: ***Có nhiều điều tạo nên bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình như:*** ***+ Những lời nói, cử chỉ, hành động yêu thương, quan tâm, chăm sóc, động viên, an ủi, hỗ trợ nhau.*** ***+ Những câu chuyện vui vẻ, hài hước.*** ***+ Những món quà tự làm đầy ắp tình yêu thương*** ***+ Những thông tin vui về kết quả học tập, lao động của các thành viên trong gia đình*** ***+ Những hoạt động cùng nhau thực hiện: Cùng nhau xem tivi, cùng nhau trò chuyện, cùng nhau chuẩn bị bữa ăn, cùng nhau dọn dẹp nhà cửa, cùng nhau chuẩn bị đón tết, cùng nhau đi chúc tết, cùng nhau đi du lịch,...***	- 4 đến 5 HS chia sẻ trước lớp, một số học sinh khác nhận xét, bổ sung. - HS cả lớp lắng nghe,
3. Hoạt động luyện tập	
Hoạt động 2: Lập kế hoạch hoạt động cùng gia đình chuẩn bị đón tết - GV giao nhiệm vụ cho HS chọn một số hoạt động chuẩn bị đón tết mà em có thể tham gia cùng gia đình và lập kế hoạch đón tết cùng gia đình. + Ngoài các hoạt động gợi ý trong sgk các em còn có thể tham gia những hoạt động nào khác nữa? - GV yêu cầu HS lập kế hoạch cá nhân theo gợi ý: \	- Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu. + HS trả lời những hoạt động có thể tham gia - HS lập kế hoạch cá nhân theo mẫu

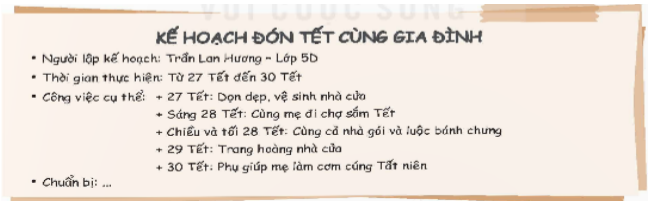 - GV gọi HS trình bày kế hoạch của mình - Gọi HS nhận xét, góp ý - GV nhận xét, tuyên dương và yêu cầu HS tiếp tục hoàn thiện kế hoạch theo góp ý.	- 5 đến 6 HS trình bày trước lớp - HS nhận xét, góp ý - HS lắng nghe
4. Hoạt động mở rộng và tổng kết.	
- GV yêu cầu HS về nhà trao đổi với người thân trong gia đình để thực hiện kế hoạch các hoạt động chuẩn bị đón tết cùng gia đình. - Nhận xét tiết học	- HS lắng nghe và thực hiện. - HS lắng nghe.
5. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV yêu cầu HS về nhà viết *"thông điệp yêu thương"* gửi đến các thành viên trong gia đình. - Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe và thực hiện - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Đạo đức:

Bài 5: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG (T3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ môi trường sống.
- Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống.
- Có những việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường sống.
- Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ môi trường sống.
- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn qua việc có những việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường sống. Nhắc nhở bạn bè, người thân có hành vi, thái độ, việc làm để bảo vệ môi trường sống.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

* Tích hợp GDĐP-CĐ 6- Bảo vệ môi trường trong HĐ sản xuất dịch vụ

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV hỏi: Trong tuần vừa rồi, bạn nào đã được chứng kiến hành vi phá hoại hoặc bảo vệ môi trường sống xung quanh? - GV mời 1,2 bạn chia sẻ về những gì mình quan sát được. - GV dẫn vào bài mới: *Có rất nhiều hoạt động giúp bảo vệ môi trường, trong đó có việc đảm bảo nguồn nước trong xanh và trồng cây. Nguồn nước và cây xanh là các thành phần quan trọng của môi trường và học sinh có thể làm được rất nhiều việc tốt để bảo vệ nguồn nước và cây xanh, để qua đó góp phần bảo vệ cuộc sống của chúng ta.*	- 1 vài HS trả lời. - 1,2 HS chia sẻ.
2. Hoạt động luyện tập:	
Bài tập 4: Đề xuất những việc nên làm và không nê làm để bảo vệ các loại môi trường sống. - GV mời 1 HS đọc đề bài trong SGK. - Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm 4 phát giấy khổ to có ghi nhiệm vụ theo gợi ý của bài tập. 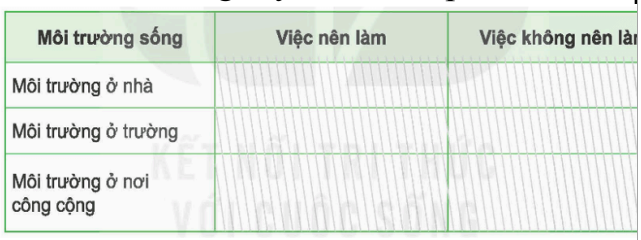 - Giáo viên tổ chức cho các nhóm dán giấy khổ to có ghi đáp án lên bảng và cử đại diện để trình bày. - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV đánh giá, kết luận: Cần khuyên bạn thực hiện những việc làm phù hợp để góp phần vào việc bảo vệ môi trường sống xung quanh. **Bài tập 5: Đóng vai xử lí tình huống** - GV yêu cầu HS đọc tình huống trong sách giáo khoa.	- 1 HS đọc. - HS thảo luận nhóm 4, làm bài vào giấy khổ to. - Các nhóm dán lên bảng và trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS đọc tình huống - HS thảo luận nhóm 4.

- GV cho HS hoạt động theo nhóm 4, thảo luận để đưa ra phương án xử lí tình huống và đóng vai thể hiện kết quả xử lí.
- Giáo viên quan sát, hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ.
- Giáo viên mời đại diện các nhóm trình bày phương án xử lý qua phần đóng vai.











- Các nhóm tiến hành đóng vai.

+ TH a. Ý kiến của hiền là không đúng vì hành động của hiền gây ô nhiễm môi trường. Em sẽ nói với hiền về hành động đó, dù nhỏ nhưng cũng sẽ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, nhất là môi trường nước và môi trường đất. Ngoài ra, hành vi ấy nếu không được nhận thức sẽ dẫn đến những hành vi gây ô nhiễm môi trường trong tương lai.

+ TH b. Việc đốt rác ở đường làng mang lại hậu quả tạo ra khói bụi, ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng. Ngoài ra, việc này còn dẫn tới nguy cơ hỏa hoạn, cháy nổ. Sẽ khuyên bạn cùng thu gom rác đến nơi tập kết rác để rác được xử lý theo đúng quy định, tránh gây ô nhiễm môi trường.

+ TH c. Việc nuôi lợn chao thả rông quanh nhà gây ô nhiễm môi trường sông rất lớn, chất thải trong quá trình nuôi sẽ gây mùi hôi, làm ô nhiễm không khí và mang những mầm bệnh. Ngoài ra, việc này còn làm ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của cộng đồng xung quanh. Cần nói với chú về tác hại đến môi trường, không khí và môi trường nước của việc nuôi lợn, bò thả rông qua nhà; chia sẻ một số biện pháp nuôi những không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ TH d. Sẽ nói với bạn việc ngắt hoa bẻ cành là dù ít hay nhiều cũng sẽ làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây. Rất cần chung tay bảo vệ môi trường từ những việc rất nhỏ.

+ TH e. Việc làm của phong sẽ tạo ra ô nhiễm tiếng ồn, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của những người xung quanh. Đề nghị phong mở loa hát đủ nghe để không tạo tiếng ồn.

- Các nhóm nhận xét.

- HS lắng nghe.

- GV gọi các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra cách xử lí khác. - GV nhận xét, kết luận:	
3. Vận dụng, trải nghiệm. * Tích hợp GDĐP-CĐ 6- Bảo vệ môi trường trong HĐ sản xuất dịch vụ:	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm bàn về những việc em đã chứng kiến, đã làm hoặc sẽ làm để bảo vệ môi trường sống xung quanh. - GV gọi các nhóm chia sẻ ý kiến. - GV nhận xét, kết luận, đánh giá các việc làm của các nhóm. (Việc nào hoàn thành tốt, việc nào hoàn thành, việc nào chưa tốt, cần sửa chữa). /?/ Khi bản thân tham gia mua, bán hàng hóa, em đã làm gì để bảo vệ môi trường nơi đó? - GV kết luận chung, nhận xét tiết học và dặn dò về nhà.	- HS thảo luận theo nhóm bàn, trao đổi. - Một vài nhóm phát biểu, chia sẻ những việc của nhóm mình. - Các nhóm chia sẻ ý kiến. - Các nhóm lắng nghe, ghi nhớ. - HS chia sẻ cá nhân

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

TRIỀU NGUYỄN (tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tìm hiểu,sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...)liên quan đến Triều Nguyễn.
- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử : Hàm Nghi, Phan Đình Phùng..

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	

- GV gọi HS chia sẻ, kể chuyện về Nguyễn Công Trứ và nêu đóng góp của ông. - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Tiết học ngày hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục đi Tìm hiểu về Triều Nguyễn qua phong trào Cần Vương chống Pháp.	- Cả lớp theo dõi, lắng nghe. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá 1. Phong trào Cần Vương chống Pháp. ***a, Nét chính của phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX.*** - GV yêu cầu hs đọc thông tin và trả lời câu hỏi  Tôn Thất Thuyết  Vua Hàm Nghi - GV mời HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương. ***b, Câu chuyện về Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê*** GV cho HS đọc thông tin và quan sát hình 7, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi	- HS trả lời câu hỏi: - Những số nét chính về phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX: + Năm 1884, Triều đình Nhà Nguyễn kí hiệp ước công nhận quyền đô hộ của thực dân Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam + Một bộ phận quan lại thuộc phái chủ chiến, đứng đầu là vua Hàm Nghi mong muốn khôi phục độc lập dân tộc + Năm 1885, Tôn Thất Thuyết ban bố dụ Cần vương, kêu gọi nhân dân đồng lòng giúp vua cứu nước, phong trào bùng nổ và phát triển mạnh mẽ. - HS thảo luận nhóm và chia sẻ - Câu chuyện về về Phan Đình Phùng và cuộc khởi nghĩa Hương Khê: + Cuối thế kỉ XIX, Phan Đình Phùng đã đứng ra chiêu tập lực lượng chống Pháp dưới lời kêu gọi cứu nước của vua Hàm Nghi + Khởi nghĩa đã xây dựng căn cứ tại Hương Khê, các anh hùng, hào kiệt đã tự nguyện liên kết lực lượng dưới quyền chỉ huy của ông + Cuộc khởi nghĩa đã kéo dài hơn 10 năm, gây thiệt hại cho quân Pháp + Cuối năm 1895, Phan Đình Phùng

 - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương.	hi sinh trong một trận chiến đấu, cuộc khởi nghĩa suy yếu dần rồi tan rã
3. Hoạt động luyện tập.	
GV cho HS thảo luận nhóm 4 vẽ tiếp tục sơ đồ tư duy triều đại nhà Nguyễn . - Gọi HS trình bày - GV nhận xét	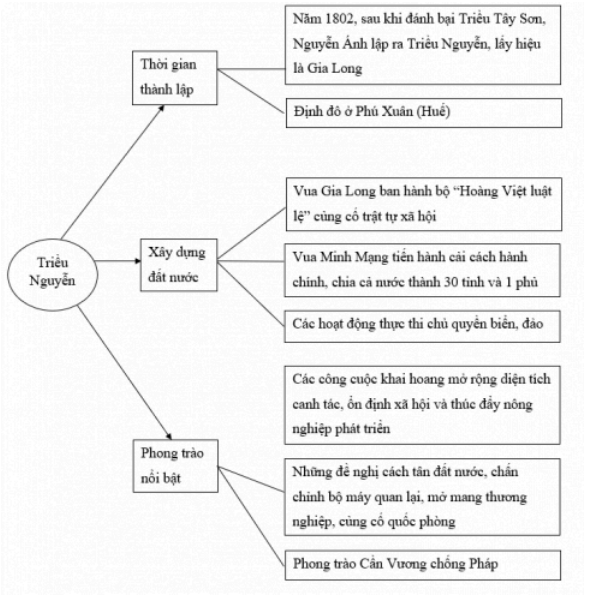 - Câu chuyện về vua Hàm Nghi + Vua Hàm Nghi là vị vua thứ 8 của triều đại nhà Nguyễn + Nhà vua phát động phong trào Cần Vương, tạo nên một làn sóng chống

- GV gọi HS kể về câu chuyện một nhân vật lịch sử dưới thời nhà Nguyễn mà em sưu tầm được. Câu chuyện đó giúp em biết được thông tin gì về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn.	Pháp mạnh mẽ thời bấy giờ + Tuy nhiên, chính quyền thực dân Pháp đã bắt được vua Hàm Nghi khi ông chỉ mới 17 tuổi. Mặc dù Pháp đã tìm mọi cách để chiêu dụ, mua chuộc nhà vua hợp tác, song ông đã thẳng thừng từ chối. Vì thế, ông đã bị bắt và lưu đày ông sang 1 quốc gia ở Bắc Phi ngày nay - Hàm Nghi là một vị vua có tài và yêu nước, dám quyết liệt chống lại thực dân Pháp xâm lược. Dù biến động thời cuộc và phải sống ở xứ người đến khi qua đời, nhưng những gì nhà vua làm được trong thời gian trị vì sẽ là niềm tự hào trong lịch sử dân tộc.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV mời HS chia sẻ về việc sưu tầm tư liệu, tranh ảnh và giới thiệu về một di sản văn hóa Triều Nguyễn. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Tư ngày 21 tháng 01 năm 2026

Toán:

TỈ LỆ BẢN ĐỒ VÀ ỨNG DỤNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết được tỉ lệ bản đồ, đọc được tỉ lệ trên bản đồ.
- Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn là từ tỉ lệ bản đồ tìm độ dài thực tế và ngược lại.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi "Đố em" để khởi động bài học. + Câu đố: *Tranh gì to lớn lạ ghê* *Vẽ hết Âu, Á, Mĩ, Phi trong này.* *(Là gì?)* - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới: ***Bản đồ là hình thu nhỏ trên giấy tương đối chính xác về một khu vực hay toàn bộ bề mặt trái đất. Trên bản đồ lúc nào cũng có tỉ lệ bản đồ, vậy tỉ lệ này có có tác dụng gì? Thì thầy trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.***	- HS tham gia trò chơi + Bản đồ - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.
2. Khám phá:	
Hoạt động khám phá: GV chiếu bản đồ một khu vực của thành phố Hồ Chí Minh trong sgk hoặc mời HS quan sát sgk:  + Hãy nêu tên bản đồ? + Góc phía dưới bản đồ ghi gì? - GV giới thiệu: Ở góc phía dưới của một bản đồ có ghi 1 : 10 000 hay. Tỉ số đó là tỉ lệ bản đồ. + Tỉ lệ 1 : 10 000 hay $\frac{1}{10000}$ cho biết hình ảnh một khu vực của thành phố Hồ Chí Minh được vẽ thu nhỏ lại 10 000 lần. Chẳng hạn: độ dài 1 cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 10 000 cm hay 100 m. + Tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng một phân số có tử số là 1. Chẳng hạn: $\frac{1}{500}$; $\frac{1}{1000}$; $\frac{1}{10000}$; $\frac{1}{10000000}$; ...	- HS quan sát. + Bản đồ một khu vực của thành phố Hồ chí minh. + Ghi tỉ số 1 : 10 000 - HS lắng nghe và theo dõi.

Ví dụ: 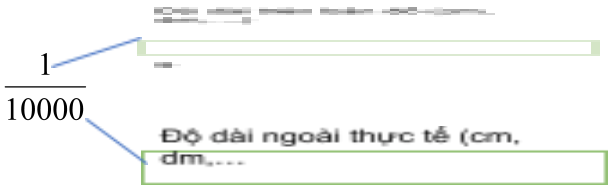 + Tỉ lệ bản đồ một khu vực thành phố Hồ chí Minh là $\frac{1}{10000}$ tỉ lệ bản đồ này được vẽ thu nhỏ lại bao nhiêu lần so với thực tế? + 1 cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là bao nhiêu xăng-ti-mét? - Chiếu cho HS xem bản đồ Việt Nam có tỉ lệ 1 : 1 000 000 và hỏi: + Hãy đọc tên tỉ lệ bản đồ? + Tỉ lệ bản đồ 1 : 1 000 000 cho biết điều gì? + Tỉ lệ bản đồ có thể viết dưới dạng nào? + Tử số của phân số cho biết gì? + Mẫu số của phân số cho biết gì? - Gv nhận xét, kết luận: tỉ lệ bản đồ là tỉ số giữa khoảng cách đo trên bản đồ và khoảng cách ngoài thực tế.	+ Được vẽ thu nhỏ lại 10 000 lần so với thực tế. + 10 000 cm - HS quan sát + Tỉ lệ một phần một triệu. + Cho biết nước Việt Nam được vẽ thu nhỏ lại 1 000 000 lần so với thực tế. Chẳng hạn: 1cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 1 000 000 cm. + Dưới dạng phân số + Tử sô cho biết độ dài thu nhỏ trên bản đồ ứng với dộ dài cm, dm, ... + Mẫu số cho biết độ dài thật tương ứng với độ dài cm, dm, ... - lắng nghe.

2. Hoạt động

Bài 1. - GV yêu cầu HS đọc tên bản đồ và tỉ lệ bản đồ. + Tỉ lệ bản đồ công viên khu đô thị hòa Bình là bao nhiêu? **a) Số** - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu ý a + Bài toán hỏi gì? + Khoảng cách chiều dài khu vườn hoa, cây cảnh (khoảng cách AB) trên bản đồ dài bao nhiêu? + Muốn biết độ dài trong thực tế dài bao nhiêu ta làm phép tính gì? + Lấy số nào nhân với số nào? - Hướng dẫn HS lấy kết quả đơn vị cm rồi đổi sang đơn vị m. - GV mời HS làm việc nhóm đôi vào dấu ?	- 1 HS đọc, cả lớp theo dõi. + Tỉ lệ 1 : 1 000 - 1 HS đọc. + Trong thực tế, chiều dài khu vườn hoa cây cảnh dài bao nhiêu mét? + Dài 6 cm. + Phép tính nhân. + Lấy 6 x 1 000 - HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm đôi. Bài giải Trong thực tế, chiều dài khu vườn hoa, cây cảnh là:

	6 x 1 000 = 6 000 (cm) 6 000 cm = 60 (m) Đáp số: 60 m
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) và kết luận: **Muốn tìm độ dài trong thực tế khi biết độ dài trên bản đồ ta lấy độ dài trên bản đồ nhân với mẫu của tỉ lệ bản đồ.** **b) Số?** - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu ý b + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi nêu cách làm	- Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - 1 HS đọc + Chiều rộng thật của khu vui chơi trẻ em là 50 m. + Chiều rộng khu vui chơi trẻ em trên bản đồ là bao nhiêu xăng-ti-mét? - HS thảo luận nhóm đôi. Bài giải Đổi: 50 m = 5 000 cm Trên bản đồ, chiều rộng khu vui chơi cho trẻ em là: 5 000 : 1000 = 5 (cm) Đáp số: 5 cm
- GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai) và kết luận: **Muốn tính độ dài trên bản đồ ta lấy độ dài thật (sau khi đã đổi về cùng đơn vị đo với độ dài thu nhỏ cần tìm) chia cho mẫu số của tỉ lệ bản đồ.** **Bài 2. Chặng đua xe đạp xuyên Việt từ Lạng Sơn đến Hà Nội dài 160 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000 quãng đường đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?** - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Bài toán cho biết gì? - Bài toán hỏi gì?	- Các nhóm báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) - 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.

- GV mời HS làm bài cá nhân vào vở. - GV thu vở, nhận xét một số bài - Yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai nếu có)	- Chặng đua xuyên việt từ Lạng Sơn đến Hà nội dài 160 km. - Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 000 quãng đường từ Lạng Sơn đến Hà nội dài bao nhiêu xăng-ti-mét? - HS làm cá nhân vào vở. 1 HS lên bảng làm. Bài giải Đổi: 160 km = 16 000 000 (cm) Trên bản đồ, quãng đường từ Lạng Sơn đến Hà nội dài số xăng-ti-mét là: 160 000 000 : 1 000 000 = 16 (cm) Đáp số: 16 cm - HS nhận xét bài trên bảng - Lắng nghe (sửa sai nếu có)

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh – Ai đúng". + Chia lớp thành 3-4 nhóm tùy số lượng học sinh, phát cho mỗi nhóm 1 phiếu chứa bài tập nhóm nào làm đúng và nhanh nhất là nhóm thắng cuộc. Viết số thích hợp vào chỗ trống:	- HS lắng nghe trò chơi và tham gia chơi Viết số thích hợp vào chỗ trống:

Tỉ lệ bản đồ	1 : 1 000	1: 300	1 : 10 000
Độ dài thu nhỏ	1 cm	?	2 cm
Độ dài thật	?	300 dm	?

Tỉ lệ bản đồ	1 : 1 000	1: 300	1 : 10 000
Độ dài thu nhỏ	1 cm	**1 dm**	2 cm
Độ dài thật	**1 000 cm**	300 dm	**20 000 cm**

- Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

ĐỌC: KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài "*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*". Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

Đọc hiểu: Hiểu nghĩa của từ, hình ảnh miêu tả sự vất vả của người mẹ, tình yêu thương người mẹ dành cho con, vẻ đẹp của tình mẫu tử,… Hiểu được bài đọc muốn

nói thông qua hình ảnh người mẹ Tà-ôi: ***Tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu của người mẹ dành cho con hòa chung vào tình yêu quê hương, đất nước, tạo thành một tình cảm lớn, mang lại nhiều cảm xúc cho người đọc.***

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Video bài hát ru. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	**Hoạt động của học sinh**
1. Khởi động:	
- GV cho HS nghe 1 bài hát ru, sau đó khai thác nội dung để dẫn dắt vào bài. *https://www.youtube.com/watch?v=sEWQvHM6RG4&t=0s*	
- Em có cảm nhận gì khi nghe bài hát "Mẹ ru con"?	- HS trả lời: + Em cảm thấy rất xúc động + Em cảm thấy rất hay. + Em cảm nhận được tình cảm lớn lao mà người mẹ dành cho con qua từng lời ru.
- GV dẫn dắt vào bài học: *Hát ru như một ký ức tuổi thơ mà không ai có thể quên, qua lời ru của bà, của mẹ đã gieo vào tâm thức tuổi thơ những ký ức và hình ảnh tốt lành về lòng nhân ái, đạo lý làm người, tình yêu quê hương, đất nước, các em được say giấc, được lớn lên cũng từ những lời ru đó. Bài thơ "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của tác giả Nguyễn Khoa Điềm cũng có một em bé được lớn lên từ lời ru của mẹ đấy các em ạ. Chúng ta cùng vào bài học hôm nay nhé!*	- HS lắng nghe, ghi bài.
2. Khám phá.	
2.1. Luyện đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, từ ngữ thể hiện sự vất vả trong công việc của người mẹ.	- Hs lắng nghe GV đọc.
- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, cần biết nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm	- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.

của người mẹ, thể hiện sự vất vả khó nhọc của người mẹ. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Đoạn 1: Từ đầu đến…..tim hát thành lời + Đoạn 2: Tiếp …. Vung chày lún sân" + Đoạn 3: Phần còn lại. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *a-kay, nóng hổi, lún sân, Ka-lưi, lưng núi…* - GV hướng dẫn luyện đọc câu: Em cu Tai/ ngủ trên lưng mẹ ơi Em ngủ cho ngoan/ đừng rời lưng mẹ Me giã gạo/ mẹ nuôi bộ đội Nhịp chày nghiêng/ giấc ngủ em nghiêng - GV HD đọc đúng ngữ điệu: Giọng đọc nhẹ nhàng, mền mại giống như lời ru, nhấn giọng vào những từ ngữ giàu cảm xúc… - GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	- 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
2.2. Luyện đọc diễn cảm - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm: Giọng đọc nhẹ nhàng, mền mại giống như lời ru, nhấn giọng vào những từ ngữ giàu cảm xúc… - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm 3 một số câu thơ thể hiện tình cảm của người mẹ, sự vất vả của người mẹ. - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai).	 - HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc - HS luyện đọc một số câu thơ: *Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi* *Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội* *Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi* *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi* *Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng*
2.3. Luyện đọc toàn bài. - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc theo nhóm 3. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung.	 - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo nhóm 3, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
TIẾT 2	
3. Tìm hiểu bài.	
3.1. Giải nghĩa từ.	

- GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:
+ Câu 1: Bài thơ như lời ru ngọt ngào của người mẹ dành cho con. Những từ ngữ nào cho em biết điều đó?	Bài thơ như lời ru ngọt ngào của người mẹ dành cho con. Những từ ngữ cho em biết điều đó là: Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi, ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi.
+ Câu 2: Người mẹ làm những công việc gì? Những công việc đó có ý nghĩa như thế nào?	- Người mẹ làm những công việc: giã gạo, trồng lúa, tỉa bắp. - Những công việc đó có ý nghĩa: giúp tăng gia sản xuất, có lương thực và thực phẩm để nuôi bộ đội có sức chiến đấu, duy trì chiến tranh chính nghĩa giành độc lập dân tộc.
+ Câu 3: Những mong ước gì của người mẹ được gửi gắm trong lời ru ở khổ thơ thứ hai?	- Những mong ước của người mẹ được gửi gắm trong lời ru ở khổ thơ thứ hai là: mong con ngủ ngoan, mong hạt gạo trắng ngần, mong con lớn vung chày làm lún sân.
+ Câu 4: Em hiểu thế nào về hai dòng thơ "Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi/ Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng"?	- Em hiểu hai dòng thơ "Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi/ Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng": Bắp cần mặt trời để sinh sống và hình thành (qua những râu ngô, hoa ngô, làm lớn cây ngô rồi mới có bắp); em bé là mặt trời, là niềm tin, hi vọng và là tình yêu lớn nhất của mẹ, động lực để mẹ lao động, sản xuất.
+ Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ. - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học. - GV nhận xét và chốt: **Tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu của người mẹ dành cho con**	- Chủ đề của bài thơ: Bài thơ ca ngợi tình cảm thắm thiết của người mẹ dành cho con, cho quê hương, đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. - 2 - 3 HS tự rút ra nội dung bài học

hòa chung vào tình yêu quê hương, đất nước, tạo thành một tình cảm lớn, mang lại nhiều cảm xúc cho người đọc.	- 3 - 4 HS nhắc lại nội dung bài học.
3.3. Học thuộc lòng bài thơ. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc (3 em, mỗi em đọc 1 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm bài đọc, sau nhẩm để thuộc lòng bài thơ. - GV mời HS đọc lại bài. - GV mời 1, 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ. - GV gọi HS nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương	- HS luyện đọc lại diễn cảm theo nhóm 3. Sau đó đọc tự đọc nhẩm để học thuộc lòng bài thơ. - HS đọc bài. - HS đọc thuộc lòng bài thơ. - HS nhận xét.
4. Luyện tập theo văn bản đọc.	
Bài 1: Trong đoạn thơ dưới đây, những từ nào được dùng để xưng hô? – Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần Mai sau con lớn vung chày lún sân… - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - Mời HS làm việc cá nhân, sau đó trả lời. ? Những từ ngữ dùng để xưng hô gọi là gì?	 - 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm để tìm hiểu nội dung bài tập. - HS làm bài cá nhân và trả lời: - Trong đoạn thơ dưới đây, những từ được dùng để xưng hô là: mẹ, a-kay, con. - Những từ ngữ dùng để xưng hô gọi là Đại từ.
Bài 2: Viết 2-3 câu về người mẹ trong bài thơ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, trong đó có sử dụng ít nhất một câu đơn và một câu ghép. - GV gọi HS đọc yêu cầu. - GV cho HS làm việc theo nhóm đôi, sau đó gọi HS chữa bài. ? Hãy nêu câu đơn, câu ghép có trong đoạn văn của em? ? Phân tích cấu tạo câu đơn, câu ghép đó? - GV yêu cầu HS nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương.	 - HS đọc bài. - HS làm việc theo nhóm đôi, sau đó gọi HS chữa bài. - HS nhận xét.
5. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV yêu cầu HS hãy chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về mẹ của mình sau khi học xong bài thơ "*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*"	- HS nêu suy nghĩ của mình: + Qua hình ảnh của người mẹ trong bài thơ, em càng thấy rõ được sự vất vả, khó nhọc của mẹ mình. Mẹ đã thức khuya dậy sớm, chăm lo cho em

- Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	từng miếng ăn giấc ngủ. Em rất yêu mẹ của mình.. + Mẹ của em rất yêu thương em, mẹ cũng rất vất vả để vừa đi làm vừa chăm lo cho gia đình. ...

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

BÀI 13: TRIỀU NGUYỄN (tiết 3)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tìm hiểu,sưu tầm và giới thiệu được một số tư liệu lịch sử (câu chuyện, văn bản, tranh ảnh...) liên quan đến Triều Nguyễn.

- Trình bày được những nét chính về lịch sử Việt Nam thời nhà Nguyễn thông qua các câu chuyện về một số nhân vật lịch sử : vua Gia Long, vua Minh Mạng, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn TRường Tộ.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...

- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Video bài hát ru. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho hs nêu 1 số nét chính về Triều Nguyễn. - GV mời một số học sinh trình bày - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới. Tiết học ngày hôm nay, cô trò chúng ta tiếp tục đi tìm hiểu về Triều Nguyễn.	- Cả lớp theo dõi, lắng nghe - HS trả lời - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	

Hoạt động khám phá 1. Triều Nguyễn và công cuộc xây dựng đất nước.

c, Những đề nghị canh tân đất nước.

- GV cho HS đọc thông tin và trả lời câu hỏi:



Hoạt động khám phá 2. Phong trào Cần Vương chống Pháp.

a, Nét chính của phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX.

- GV yêu cầu hs đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Câu chuyện về Nguyễn Công Trứ và đóng góp của ông:

+ Đầu thế kỉ XIX, nhiều nông dân không có ruộng đất cày cấy, bỏ làng đi phiêu tán và nổi dậy chống triều đình.

+ Trong tình hình đó, Nguyễn Công Trứ đã tâu lên vua để cho khai hoang yên nghiệp dân nghèo, nhà vua đồng ý và cử ông làm Doanh điền sứ chuyên coi việc khai phá đất hoang.

+ Ông đã chiêu tập người dân khai hoang lấn biển ở vùng duyên hải Bắc Bộ, mở rộng diện tích đất, thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Những đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc là:

- Là đại diện tiêu biểu cho trào lưu cách tân đất nước cuối thế kỉ XIX

- Trình lên vua nhiều bản điều trần, mong muốn làm cho đất nước giàu mạnh

- Đề nghị mở rộng quan hệ với nước ngoài, mở các trường dạy đóng tàu, đúc súng,...

- HS trả lời câu hỏi:

- Những số nét chính về phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX:

+ Năm 1884, Triều đình Nhà Nguyễn kí hiệp ước công nhận quyền đô hộ của

 Tôn Thất Thuyết  Vua Hàm Nghi - GV mời HS báo cáo kết quả. - GV nhận xét, tuyên dương.	thực dân Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam + Một bộ phận quan lại thuộc phái chủ chiến, đứng đầu là vua Hàm Nghi mong muốn khôi phục độc lập dân tộc + Năm 1885, Tôn Thất Thuyết ban bố dụ Cần vương, kêu gọi nhân dân đồng lòng giúp vua cứu nước, phong trào bùng nổ và phát triển mạnh mẽ.
3. Hoạt động luyện tập.	
TC:Điền đúng điền nhanh - Mục đích: Củng cố cho học sinh về phong trào Cần Vương. + Học sinh: 2 phiếu lớn, bút dạ. + Giáo viên: nội dung trò chơi và đáp án trên màn hình. - Cách chơi: Chọn mỗi đội 5 học sinh, các em lần lượt lên mỗi em được điền 1 từ, thời gian 1 phút cho cả đội. Đội nào xong trước và đúng nhiều hơn đội đó thắng cuộc. - Nội dung trò chơi: Năm……., Tôn Thất Thuyết ban bố dụ…, kêu gọi nhân dân đồng lòng giúp vua…., phong trào ….và ….mạnh mẽ. - GV tổng kết trò chơi. - GV nhận xét chung tuyên dương các nhóm.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. - HS lắng nghe và rút kinh nghiệm
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV mời HS chia sẻ về đóng góp của Nguyễn Trường Tộ đối với lịch sử dân tộc. - GV nhận xét tuyên dương.(có thể cho xem video) - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Năm ngày 22 tháng 01 năm 2026

Tiếng Việt:

VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả người.
- Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài *Chú bé vùng biển* theo cách của mình.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Video bài hát ru. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu HS nêu những điều đã biết về cách viết mở bài và kết bài cho bài văn cho bài văn tả phong cảnh em đã học. - GV giới thiệu bài: Các em đã biết về hai cách mở bài (trực tiếp và gián tiếp) và hai cách kết bài (mở rộng và không mở rộng) cho bài văn miêu tả.Tiết học này các em sẽ tiếp tục tìm hiểu và luyện tập viết mở bài và kết bài cho bài văn cho bài văn tả người. - GV ghi bảng.	- HS nêu. - HS lắng nghe.
2. Thực hành - Luyện tập	

Bài tập 1: - GV mời 1 HS đọc đề bài: *Nêu những điểm khác nhau giữa các cách mở bài và kết bài dưới đây.* - Yêu cầu HS thảo luận nhóm và chỉ ra điểm khác nhau. - GV theo dõi hướng dẫn các em chia sẻ. Khuyến khích HS nêu ý kiến theo suy nghĩ của mình. - GV chiếu kết quả thảo luận của một số nhóm lên cho HS nhận xét.	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm. - HS thảo luận nhóm và chỉ ra điểm khác nhau. - Trao đổi và thống nhất câu trả lời. - HS nhận xét.

Đáp án:

- Cách mở bài*:*

+ Mở bài trực tiếp: Được viết ngắn gọn và trực tiếp, chỉ trích dẫn một sự thật về Thắng, con cá vược của thôn Bần, và địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ. Điều này tạo ra một sự tập trung nhanh chóng vào nhân vật chính.

+ Mở bài gián tiếp: Được viết dài hơn và sử dụng mô tả chi tiết để tạo nên hình ảnh về vùng biển và cuộc sống của bọn trẻ. Nó cung cấp thông tin về môi trường và nền văn hóa, đồng thời giới thiệu Thắng như một nhân vật đặc biệt trong số các đứa trẻ.

- Cách kết bài:

+ Kết bài không mở rộng: Được viết ngắn gọn và trực tiếp, chỉ mô tả cảnh bọn trẻ đứng trên bờ nhìn Thắng lặn và cảm thấy ghen tị và ngưỡng mộ. Kết bài này không mở rộng thêm ý kiến hay suy nghĩ của người viết.

+ Kết bài mở rộng: Được viết dài hơn và bao gồm suy nghĩ và cảm xúc cá nhân của người viết. Nó bày tỏ sự thán phục của người viết đối với Thắng và đặt câu hỏi liệu các bạn khác có cảm nhận tương tự hay không. Kết bài này mở rộng chủ đề và tạo ra một sự liên kết giữa nhân vật và người viết.

Bài tập 2: Hướng dẫn HS: Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài ***Chú bé vùng biển*** theo cách của em. - Mời HS đọc phần gợi ý. - GV quan sát HS làm bài để hỗ trợ kịp thời. - Gọi HS đọc phần mở bài, kết bài của mình trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương.	 - 1,2 HS đọc - HS lắng nghe. - 2 -3 HS trình bày trước lớp bài của mình. - HS khác nhận xét, góp ý.

- Mở bài gián tiếp:

Cuộc sống mưu sinh trên biển luôn là thứ mà chúng ta tò mò. Mọi người được sinh ra và lớn lên giữa một vùng biển đẹp, làn sóng xanh, tiếp xúc với ánh nắng vàng từ thuở bé. Điểm đặc biệt ở con người nơi đây là từ trẻ con, ai cũng biết bơi lội nhưng có lẽ chỉ có Thắng mới được mọi người vinh danh là con cá vược của thôn Bần.

- Kết bài mở rộng:

Những đứa trẻ chúng tôi luôn cảm thấy thán phục trước tài năng của Thắng. Chắc hẳn cậu ấy phải yêu thiên nhiên, yêu cái mặn mòi của biển cả lắm mới có thể có tinh thần rèn luyện để trở thành một người bơi lội giỏi giang như vậy.	
Trao đổi với bạn về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả người. - Mời HS báo cáo. - Mời HS nhận xét. - GV kết luận: ***Khi viết mở bài gián tiếp**:* *+ Nêu suy nghĩ về sự việc, hoạt động, ... có liên quan đến người được tả.* *+ Nhắc lại kỉ niệm chung nào đó với người được tả.* ***Khi viết kết bài mở rộng*** *+ Nêu cảm nghĩ về người được tả, những điều tốt đẹp mà người đó để lại trong lòng mọi người.* *+ Bày tỏ những mong muốn về một tương lai tốt đẹp đến với người được tả.*	- HS trao đổi. - HS báo cáo. - HS nhận xét, bổ sung bài theo góp ý. - 2,3 HS nhắc lại.
3. Vận dụng trải nghiệm.	
+ Nêu cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả người? - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà: Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả người trong sách, báo hoặc trong SGK Tiếng Việt đã học ở các lớp. Chú ý học tập cách mở bài, kết bài của bài văn đó.	- HS phát biểu ý kiến. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 37: TỈ LỆ BẢN ĐỒ VÀ ỨNG DỤNG (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Vận dụng được tỉ lệ bản đồ để giải quyết một số tình huống thực tiễn là từ tỉ lệ bản đồ tìm độ dài thực tế và ngược lại.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS khởi động thông qua trả lời một số câu hỏi sau: + Hôm trước các em học bài gì? + Bản đồ tỉnh Lạng Sơn có tỉ lệ là 1: 1 000 cho ta biết điều gì? - GV gọi 1 - 2 HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét. - GV nhận xét và kết luận, dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Tỉ lệ bản đồ và ứng dụng + Cho ta biết tỉnh Lạng Sơn được vẽ thu nhỏ lại 1 000 lần. Chẳng hạn: độ dài 1 cm trên bản đồ ứng với độ dài thật là 1 000 cm hay 10 m. - HS nhận xét - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành:	
Bài 1. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 10 000 000, quãng đường sắt Đà Nẵng – Nha Trang đo được là 5 cm. Trên thực tế, quãng đường sắt Đà Nẵng – Nha Trang dài khoảng bao nhiêu ki-lô-mét? - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? + Muốn tính độ dài trong thực tế khi biết độ dài trên bản đồ ta làm thế nào? - GV mời HS làm bài cá nhân vào vở. - GV thu vở, nhận xét một số bài - Yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai nếu có)	 - 1 HS đọc, cả lớp theo dõi. + Trên bản đồ tỉ lệ 1: 10 000 000, quãng đường sắt Đà Nẵng – Nha Trang đo được là 5 cm. + Trên thực tế, quãng đường sắt Đà Nẵng – Nha Trang dài khoảng bao nhiêu ki-lô-mét? + Ta lấy độ dài trên bản đồ nhân với mẫu của tỉ lệ bản đồ. - HS làm cá nhân vào vở. 1 HS lên bảng làm Bài giải Trên thực tế, quãng đường sắt Đà Nẵng – Nha Trang dài khoảng số ki-lô-mét là: 5 x 10 000 000 = 50 000 000 (cm) 50 000 000 cm = 500 (km) Đáp số: 500 km - HS nhận xét bài trên bảng - Lắng nghe (sửa sai nếu có)

Bài 2. Quãng đường từ Bản A đến trường tiểu học B dài 1 500 m, từ bản A đến đài truyền hình C dài 1 200m. Bạn Nam đã vẽ hai quãng đường đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 3 000. Hỏi trên bản đồ này, mỗi đoạn thẳng AB, AC dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- 1 HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.

- Bài toán cho biết gì?

- Quãng đường từ Bản A đến trường tiểu học B dài 1 500 m, từ bản A đến đài truyền hình C dài 1 200m. Bạn Nam đã vẽ hai quãng đường đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 3 000.

- Bài toán hỏi gì?

- Trên bản đồ, mỗi đoạn thẳng AB, AC dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

- Muốn tính độ dài đoạn AB và AC trên bản đồ ta làm thế nào?

- Ta lấy độ dài thật (sau khi đã đổi về cùng đơn vị đo với độ dài thu nhỏ cần tìm) chia cho mẫu số của tỉ lệ bản đồ.

- GV mời HS làm bài cá nhân vào vở.

- HS làm cá nhân vào vở. 1 HS lên bảng

Bài giải

Đổi: 1 500 m = 150 000 cm;

1 200 m = 120 000 cm

Trên bản đồ, đoạn thẳng AB dài số xăng-ti-mét là:

150 000 : 3 000 = 50 (cm)

Trên bản đồ, đoạn thẳng AC dài số xăng-ti-mét là:

120 000 : 3000 = 40 (cm)

Đáp số: AB: 50 cm

AC: 40 cm

- GV thu vở, nhận xét một số bài

- HS nhận xét bài trên bảng

- Yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng

- Lắng nghe (sửa sai nếu có)

- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai nếu có)

Bài 3. Số?

Tỉ lệ bản đồ	1 : 10 000	1 : 1 000 000	1 : 500 000
Độ dài trên bản đồ (cm)	15	8	?
Độ dài thật (km)	?	?	40

- 1 HS đọc

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.

- HS thảo luận nhóm 4

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4

Tỉ lệ bản đồ	1: 10 000	1: 1 000 000	1: 500 000
Độ dài trên bản đồ (cm)	15	8	8
Độ dài thật (km)	1,5	80	40

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.

- Đại diện các nhóm trả lời

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai).	- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe (sửa sai nếu có).
4. Vận dụng trải nghiệm.	
Bài 4. **Em hãy đo độ dài thật của cạnh một bàn học. Sau đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 50 em hãy vẽ đoạn thẳng AB là hình ảnh thu nhỏ của cạnh bàn học đó.** - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS thực hành đo theo cặp đôi và làm vào vở. - Mời đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	 - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - HS thực hành đo theo cặp đôi và làm vào vở - Đại diện các nhóm trình bày. Ví dụ: độ dài cạnh bàn học em đo được là 120 cm và đoạn thẳng em vẽ được là: 120 : 50 = 2,4 cm - Lắng nghe - Lắng nghe - Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Giáo dục thể chất:

BÀI 2: BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LỘN XUÔI. (TIẾT 6)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức, kỹ năng:

- Thực hiện được bài tập rèn luyện kĩ năng lộn xuôi; xử lí được một số tình huống trong tập luyện.
- Bước đầu vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.
- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

2. **Về năng lực:**

2.1. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước bài tập rèn luyện kĩ năng lộn xuôi, Trò chơi "Tuyển phi công" trong sách giáo khoa.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

2.2. Năng lực đặc thù:

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.
- NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh và thực hiện được các bài tập, Trò chơi "Tuyển phi công".
- NL thể dục thể thao: Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện.

3.Về phẩm chất: Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:
- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.
+ Đối với học sinh chuẩn bị: SGK, giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7'		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) -Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8N 2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động 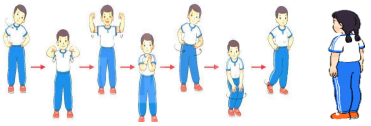 - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi " Kết bạn" - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi 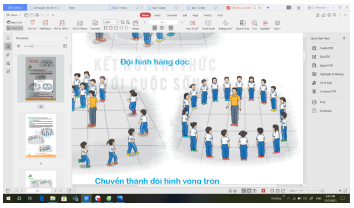 - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá **2. Hình thành động tác mới:** - Ôn Lộn xuôi: 		- GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác.	HS lắng nghe
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV cùng thực hiện 1-2 lần điều khiển cho cả lớp tập đồng loạt	- HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kĩ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16'		
1. Tập đồng loạt	2-3 lần	- Gv quan sát, sửa sai cho HS.	ĐH tập luyện đồng loạt. 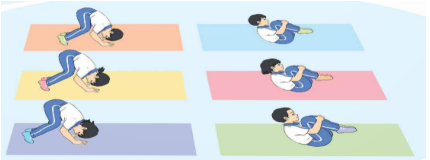 CS điều khiển, HS thực hiện

2. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ  - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
3. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	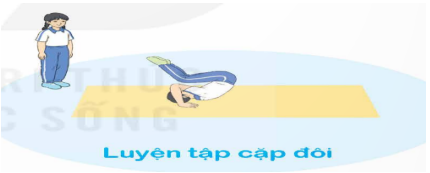 + Yêu cầu:1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập… Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
4. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
5. Trò chơi vận động: * Trò chơi: "Tuyển phi công"	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua. *Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.*	ĐH chơi trò chơi 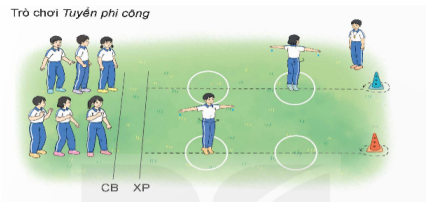 - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv -HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5'		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc).		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân	Đội hình hồi tĩnh 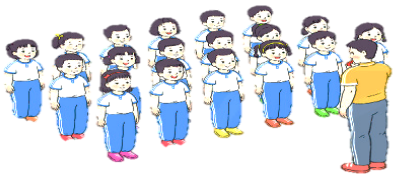 - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận

2. Vận dụng:		- GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 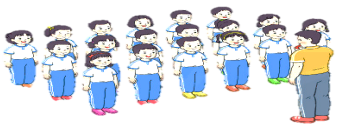
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Công nghệ:

Bài 6: SỬ DỤNG TỦ LẠNH (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận thức được vai trò của tủ lạnh trong đời sống.
- Nêu được một số vị trí và vai trò của các khoang khác nhau trong tủ lạnh.

* Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...
- Phát triển năng lực số:

+ **4.1.CB2a:** Bảo vệ thiết bị số.
+ **4.4.CB2a:**Nhận biết được tác động cơbảncủacôngnghệsốvà việc sử dụng công nghệ số đối với môi trường
+ **5.2.CB2a:**Xác định được các công cụ và công nghệ số đơn giản có thể được sử dụng để tạo ra kiến thức và đổi mới quy trình cũng như sản phẩm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học tron g SGK. Video bài hát ru. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh trong SGK (trang 26). + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động đóng vai theo nhóm đôi hỏi đáp về tác dụng của tủ lạnh trong đời sống. - GV mời một số nhóm trình bày  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Con người sử dụng tủ lạnh để bảo quản thực phẩm được lâu hơn. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học "Sử dụng tủ lạnh".	- Cả lớp quan sát tranh. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá: - Phát triển năng lực số: HS biết tra cứu thêm các nút trên bảng số và kí hiệu của tủ lạnh trên mạng.	
Hoạt động khám phá 1. - GV yêu cầu HS đọc thông tin dưới đây và cho biết tác dụng của tủ lạnh. Thịt, cá có thể bảo quản được: – Từ 3 ngày đến 5 ngày với phương pháp làm lạnh thực phẩm (nhiệt độ từ 1 °C đến 7 °C). – Từ vài tuần tới vài tháng với phương pháp đông lạnh (nhiệt độ dưới 0 °C). - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, tuyên dương. **Kết luận: Tủ lạnh là thiết bị điện phổ biến trong gia đình. Tủ lạnh có chức năng chính là bảo quản thực phẩm ở nhiệt độ thấp, giúp kéo dài thời gian sử dụng.** **Hoạt động khám phá 2.**	- HS quan sát tranh, thảo luận và nêu tác dụng của tủ lạnh. Thịt, cá có thể bảo quản được - Từ 3 đến 5 ngày với phương pháp làm lạnh thực phẩm. - Từ vài tuần tới vài tháng với phương pháp đông lạnh. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện.

- GV tổ chức cho HS tham gia chơi trò chơi Ai nhanh ai đúng.GV chia lớp thành 2 đội chơi, phát cho mỗi đội6 tấm thẻ có ghi tên như sau: A, B, a, b, 1, 2. - GV yêu cầu 2 nhóm HS ghép thẻ mô tả tên khoang và thẻ mô tả vai trò của khoang với vị trí các khoang tương ứng của tủ lạnh trong hình. - GV hướng dẫn HS thảo luận và sắp xếp các thẻ đã tìm hiểu ở hoạt động khám phá 2 vào nhóm cho phù hợp. - Yêu cầu học sinh chơi trò chơi. - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc và kết luận: Tủ lạnh thường có hai khoang, khoang làm lạnh và khoang cấp đông. Trong mỗi khoang thường có các ngăn để thuận tiện sắp xếp và bảo quản thực phẩm. - Yêu cầu Hs nêu các nút hiển thị trên tủ lạnh - GV kết luận chung.	- Các nhóm thảo luận và chơi trò chơi theo yêu cầu. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau. - HS trả lời, chỉ ra tác dụng của các nút trên tủ lạnh.
3. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV mời HS chia sẻ về chiếc tủ lạnh của gia đình em ở nhà, nêu vai trò của chiếctủ lạnh đó. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- Học sinh tham gia chia sẻ về chiếc tủ lạnh của gia đình em ở nhà, nêu vai trò của chiếc tủ lạnh đó trước lớp. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Sáu ngày 23 tháng 01 năm 2026

Tiếng Việt:

ĐỌC MỞ RỘNG:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Đọc mở rộng theo yêu cầu, biết ghi vào phiếu đọc sách thông tin về bài đọc, biết trao đổi với bạn về nội dung chính được giới thiệu trong sách, báo.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....
- Phát triển năng lực số:

+ 1.1.CB2.a. Xác định được nhu cầu thông tin cần tìm của mình.

+ 1.1.CB2.b. Tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua cách tìm kiếm đơn giản trong môi trường kỹ thuật số.

+ 1.1.CB2.c. Biết cách truy cập dữ liệu, thông tin, nội dung và điều hướng giữa chúng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Video bài hát ru. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.

* HS chuẩn bị: Tìm và biết giới thiệu về gương người tốt việc tốt.

- Lưu ý: + HS biết chọn lọc câu chuyện từ các trang web chính thống.
+ Hs thông qua thiết bị số an toán, tìm kiếm các câu chuyện, bài báo, bài thơ theo yêu cầu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cùng HS hát và vận động: *Lớp chúng ta đoàn kết.* - Quan sát tranh trang 16 và dự đoán về nội dung cuốn sách. - GV giới thiệu: Trong cuộc sống thực tế và trên sách báo, chúng ta gặp rất nhiều người tốt và việc làm tốt. Những người tốt và việc làm tốt này làm cho xã hội của chúng ta ngày càng tốt đẹp hơn. Bài đọc mở rộng hôm nay là cơ hội để chúng ta lan toả những người tốt và việc làm tốt trên sách báo. - GV ghi bảng.	- HS hát và vận động. - HS trả lời. - HS lắng nghe
2. Thực hành	
2.1. Hoạt động 1: Đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt.	
+ GV cho HS đọc yêu cầu 1. + GV hướng dẫn HS chia sẻ và tìm đọc văn bản mở rộng theo yêu cầu trong SGK. - GV nhắc HS tham khảo 2 đoạn giới thiệu trong SGK (tham khảo và đọc các bài bài viết trên sách báo, mạng internet,... về người tốt, việc tốt) - Yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm và ghi vào trong phiếu đọc sách.	- HS đọc - HS lựa câu chuyện nêu rõ lí do tại sao mình chọn bài đó. - HS thực hiện theo yêu cầu - HS chia sẻ trong nhóm và ghi vào trong phiếu đọc sách.

2.2. Hoạt động 2: Viết phiếu đọc sách	
- Yêu cầu HS viết phiếu. 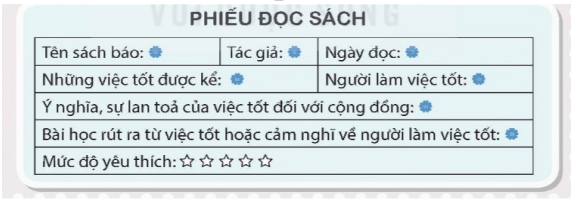 PHIẾU ĐỌC SÁCH Tên sách báo: ❁ | Tác giả: ❁ | Ngày đọc: ❁ Những việc tốt được kể: ❁ | Người làm việc tốt: ❁ Ý nghĩa, sự lan toả của việc tốt đối với cộng đồng: ❁ Bài học rút ra từ việc tốt hoặc cảm nghĩ về người làm việc tốt: ❁ Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	- HS viết phiếu
2.3. Hoạt động 3: Trao đổi	
- Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những nội dung cần ghi trong phiếu đọc sách, về trải nghiệm được nói đến. *VD:* *+ Bạn đọc bài vít này mất bao lâu?* *+ Bạn có suy nghĩ gì về việc tốt viết trên sách báo?* *+ Bạn cho biết cảm nghĩ của mình về việc tốt viết trên sách báo?* - GV động viên, khen ngợi HS - GV nhận xét chung, rút kinh nghiệm.	- HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp.
3. Vận dụng trải nghiệm.	
- Em hãy trao đổi với bạn về nội dung chính và những điều em thấy xúc động trong câu chuyện. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - GV hướng dẫn và dặn dò HS : Sưu tầm và tìm đọc thêm các bài viết trên sách báo, mạng internet,... về người tốt, việc tốt. + Kể lại một việc tốt em đã làm cho người thân nghe.	- HS chia sẻ với bạn. -HS chia sẻ trước lớp -HS lắng nghe -HS về nhà tự đánh giá.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 38: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Nhận biết và giải được bài toán tìm hai số biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- Vận dụng giải các bài tập và bài toán thực tế liên quan.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Số bé bằng 3, số lớn bằng 5. Hãy viết tỉ số của số bé và số lớn. + Câu 2: Trong tổ có 7 bạn nữ và 5 bạn nam hãy viết tỉ số của bạn nam và bạn nữ. + Câu 3: Viết tỉ số của m và n, biết m = 2, n = 3 + Câu 4: Viết tỉ số của n và m, biết m = 2, n = 3 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Câu 1: $\frac{3}{5}$ + Câu 2: $\frac{5}{7}$ + Câu 3: $\frac{m}{n}=\frac{2}{3}$ + Câu 3: $\frac{n}{m}=\frac{3}{2}$ - HS lắng nghe
2. Khám phá:	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh và nêu tình huống có trong tranh.	HS trả lời:
	Bức tranh vẽ bạn Mai, Mi, Việt, Nam và Rô bốt đang cùng các bạn quyên góp sách. Bạn Mai nói: Trong đợt quyên góp lịch cũ để làm sách chữ nổi cho người khiếm thị, hai lớp 5A, 5B đóng góp được 60 quyển vở.

	Bạn Nam nói: Tớ biết số lịch của lớp 5A bằng $\frac{7}{8}$ số lịch của lớp 5B. Bạn Việt thắc mắc: Mỗi lớp đóng góp được bao nhiêu quyển lịch nhỉ? Bạn Rô bốt gợi ý: Số lịch của lớp 5B chia làm 8 phần bằng nhau thì số lịch của lớp 5A là 7 phần như thế. Biết tổng số lịch của hai lớp là 60 quyển. Từ đó tính được số lịch của mỗi lớp.
- GV cho HS nêu lại bài toán sau đó đọc lại gợi ý của Rô bốt.	- HS nêu lại bài toán.
+ Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?	+ Hai lớp 5A và 5B đóng góp được 60 quyển lịch, tỉ số lịch của lớp 5A = $\frac{7}{8}$ số lịch lớp 5B. Hỏi mỗi lớp đóng góp được bao nhiêu quyển lịch?
- GV nêu cách tóm tắt bài toán bằng cách vẽ sơ đồ và hướng dẫn HS giải.	- Theo dõi
+ Dựa vào tỉ số $\frac{7}{8}$ để vẽ sơ đồ: Số lịch lớp 5A là 7 phần thì số lịch của lớp 5B là 8 phần như thế. Bài giải 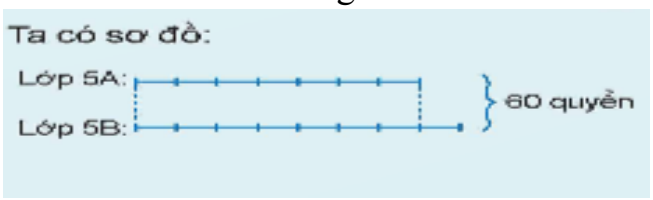	
+ Số lịch cũ của lớp 5A là mấy phần bằng nhau?	+ 7 phần bằng nhau.
+ Số lịch cũ của lớp 5B là mấy phần bằng nhau?	+ 8 phần bằng nhau.
+ Tổng số lịch 2 lớp đóng góp được là bao nhiêu?	+ 60 quyển.
+ Nhìn vào sơ đồ tổng số phần của 2 lớp là bao nhiêu phần?	+ Là 7 + 8 = 15 phần
+ Tổng số phần bằng nhau của 2 lớp là 15 phần tương ứng với 60 quyển. Vậy giá trị một phần là bao nhiêu quyển? Làm phép tính gì?	+ Phép tính chia, lấy 60 : 15 = 4
+ Tìm được giá trị của 1 phần rồi thì ta có tìm được số quyển lịch của từng lớp không? Làm thế nào?	+ Tìm được số quyển lịch của từng lớp. Lấy giá trị 1 phần nhân với số phần của từng lớp: Số lịch lớp 5A: 4 x 7 = 28 quyển Số lịch lớp 5B: 4 x 8 = 32 quyển

.	Bài giải Tổng số phần bằng nhau là: 7 + 8 = 15 (phần) Giá trị của một phần là: 60 : 15 = 4 (quyển) Số quyển lịch của lớp 5A là: 4 x 7 = 28 (quyển) Số quyển lịch của lớp 5B là: 4 x 8 = 32 (quyển) Đáp số: Lớp 5A: 28 quyển lịch Lớp 5B: 32 quyển lịch
- Để giải bài toán này chúng ta cần giải theo mấy bước?	- 5 bước + Bước 1: Vẽ sơ đồ + Bước 2: Tìm tổng số phần bằng nhau + Bước 3: Tìm giá trị một phần + Bước 4: Tìm số quyển lịch lớp 5A + Bước 5: Tìm số quyển lịch lớp 5B
- Có thể gộp bước 3 và bước 4 thành: 60 : 15 x 7 = 28 (quyển) và cũng có thể tìm số quyển lịch của lớp 5B trước	- HS theo dõi
- Yêu cầu HS nhắc lại các bước để giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.	- 3-4 HS nhắc lại
3. Hoạt động.	
Bài 1: Trên bãi cỏ có 49 con bò sữa gồm bò vàng và bò khoang, trong đó số bò khoang bằng $\frac{2}{5}$ số bò vàng. Hỏi trên bãi cỏ có bao nhiêu con bò khoang, bao nhiêu con bò vàng?	
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.	- 1 HS đọc yêu cầu bài toán.
+ Bài toán cho biết gì?	+ Trên bãi cỏ có 49 con bò sữa gồm bò vàng và bò khoang. Số bò khoang bằng $\frac{2}{5}$ số bò vàng.
+ Bài toán hỏi gì?	+ Trên bãi cỏ có bao nhiêu con bò khoang, bao nhiêu con bò vàng?
+ Bài toán thuộc dạng toán nào?	+ Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- GV mời HS làm bài cá nhân vào vở theo dõi giúp đỡ HS.	- HS làm bài cá nhân vào vở. 1 HS lên bảng làm. Bài giải

- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét.	Ta có sơ đồ: ? con Bò khoang: Bò vàng: 49 con ? con Tổng số phần bằng nhau là: 2 + 5 = 7 (phần) Số bò khoang là: 49 : 7 x 2 = 14 (con) Số bò vàng là: 49 : 7 x 5 = 35 (con) Đáp số: Bò khoang: 14 con Bò vàng: 35 con
- GV thu vở, nhận xét một số bài. - Yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai nếu có)	- HS nhận xét bài trên bảng - Lắng nghe (sửa sai nếu có)
Bài 2: Trong một ngày, một cửa hàng đã bán hàng và thu về được số tiền là 18 000 000 đồng. Biết số tiền bán được trong buổi sáng bằng $\frac{3}{2}$ số tiền bán được trong buổi chiều. Hỏi số tiền bán được trong mỗi buổi là bao nhiêu? - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. + Bài toán cho biết gì? + Bài toán hỏi gì? - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở, theo dõi giúp đỡ HS. .	- 1 HS đọc yêu cầu bài. + Trong một ngày, một cửa hàng đã bán hàng và thu về được số tiền là 18 000 000 đồng. Biết số tiền bán được trong buổi sáng bằng $\frac{3}{2}$ số tiền bán được trong buổi chiều. + Hỏi số tiền bán được trong mỗi buổi là bao nhiêu? - HS làm bài tập cá nhân vào vở. 1 HS lên bảng làm. Bài giải Ta có sơ đồ: ? đồng Buổi sáng: Buổi chiều: 18 000 000 ? đồng Tổng số phần bằng nhau là: 3 + 2 = 5 (phần) Số tiền bán được trong buổi sáng là: 18 000 000 : 5 x 3 = 10 800 000 (đồng)

	Số tiền bán được trong buổi chiều là: 18 000 000 : 5 x 2 = 7 200 000 (đồng) Đáp số: Buổi sáng: 18 000 000 (đồng) Buổi chiều: 7 200 000 (đồng)
- GV thu vở, nhận xét một số bài. - Yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai nếu có)	- HS nhận xét bài trên bảng - Lắng nghe (sửa sai nếu có)
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn" + Cách chơi : GV nêu một bài toán, HS nào trả lời nhanh và đúng đáp án thì nhận được phần quà của giáo viên. **Bài toán: Lớp 5A có 35 học sinh, trong đó số học sinh nam bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh nữ. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?** - Nhận xét, tuyên dương học sinh thắng cuộc. - GV nhận xét tiết học. Dặn dò bài về nhà	- HS tham gia trò chơi. + Theo dõi. + Đáp án đúng: 15 học sinh nam, 20 học sinh nữ - Lắng nghe - Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Khoa học:

Bai18: VI KHUẨN XUNG QUANH CHÚNG TA (2 tiết): Tiết 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được vi khuẩn sống ở khắp nơi trong đất, nước, sinh vật khác... quaquan sát tranh ảnh.

* Góp phần hình thành và phát triển:
- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Video bài hát ru. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS kể tên những đồ vật nào ở nhà có thể có hoặc không có chứa vi khuẩn. Nêu kích thước vi khuẩn, thiết bị để quan sát vi khuẩn. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: GV dựa trên ý kiến của HS liên quan đến vi khuẩn để dẫn dắt vào nội dung bài học.	- 4-5 HS trình bày trước lớp + HS dựa vào trải nghiệm của bản thân chia sẻ nhiều ý kiến khác nhau, ví dụ: trên tay, công tắc điện, nền nhà,;...Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ. Để quan sát nghiên cứu về vi khuẩn cần sử dụng kính hiển vi có độ phóng đại lớn - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
***NƠI SỐNG CỦA VI KHUẨN** **Hoạt động 1: Nhận biết được một số nơi vi khuẩn sống.** - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, quan sát từ hình 4 đến hình 12 và thực hiện yêu cầu sau: + Nêu những nơi vi khuẩn có thể sống. + Theo em, vi khuẩn sống được ở những nơi nào? - GV mời một số cặp đôi lên chia sẽ trước lớp.  	- HS quan sát từng hình đồ vật, từng nơi, hình phóng to vi khuẩn và nhận biết những nơi đó có chứa vi khuẩn và chia sẻ trong nhóm kết quả quan sát. - Một số cặp HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác bổ sung ý kiến. HS nêu được một số nơi vi khuẩn sống như nước từ vòi, trong không khí, đất, tay nắm cửa, thực phẩm chưa nấu chín (gà, rau,..), ở trong nhà vệ sinh, trên da tay và trong ruột (hệ tiêu hoá). - HS nêu được vi khuẩn sống ở rất nhiều nơi và có thể liệt kê lại những nơi đó từ hình ảnh đã quan sát. - HS lắng nghe

- GV nhận xét, bổ sung - GV chốt kiến thức: qua một số hình ảnh trong SGK, các em đã biết một số nơi vi khuẩn có thể sống (GV liệt kê lại một số nơi như minh hoạ ở SGK). Vi khuẩn là một sinh vật rất nhỏ bé, chúng có thể phát tán dễ dàng và gây nhiễm khuẩn từ vật này sang vật khác. Từ đó có thể nổirằng vi khuẩn sống ở khắp mọi nơi.	
Hoạt động2: Liên hệ thực tế để liệt kê những nơi sống khác của vi khuẩn.	- HS lắng nghe
Hoạt động trò chơi: "Trò chơi tiếp sức" - Nội dung: Quan sát xung quanh và kể những nơi vi khuẩn có thể sống. - Luật chơi: + Chơi cả lớp, nối tiếp nhau kể nhanh nơi vi khuẩn có thể sống. Mỗi HS chỉ được kể một nơi vi khuẩn sống. + Kể nhanh trong vòng 3 giây, sau 3 giây không kể được là thua cuộc. - GV tổng kết trò chơi. - GV giải thích thêm và chốt: Vi khuẩn có kích thước rất nhỏ và có thể bám vào các đồ vật khác nhau mà ta không phát hiện ra được. Các đồ vật đó trở thành vật trung gian di truyền vi khuẩn từ chỗ này đến chỗ khác. Vì vậy, vi khuẩn có thể sống ở khắp mọi nơi xung quanh chúng ta.	- HS lắng nghe luật chơi. - HS tham gia chơi. - HS lắng nghe
3. Hoạt động luyện tập.	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát hình 13, liên hệ thực tế và thực hiện theo yêu cầu sau: + Khi để thực phẩm trong tủ lạnh (hình 13) người ta thường bọc bằng màng bọc thực phẩm hoặc để trong hộp kín. Theo em việc làm đó có lợi ích gì? - GV tổ chức cho HS chia sẻ ý kiến.	- HS thực hiện cá nhân, quan sát tranh thực hiện theo yêu cầu của GV.

	- HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung ý kiến, nếu được một số ý như: + Nhiều đồ vật mang từ ngoài vào, chưa diệt khuẩn, tay không sạch cầm vào đồ ăn, cầm vào túi bọc thực phẩm... làm lây nhiễm vi khuẩn sang đồ vật khác trong tủ lạnh. + Khibọc kín, để hộp riêng các thực phẩm sẽ tránh lây nhiễm vi khuẩn từ thực phẩm này sang thực phẩm khác (hoặc từ thực phẩm đã rửa với thực phẩm chưa rửa).
- GV nhận xét, bổ sung (nếu cần). Dặn HS về nhà quan sát và chia sẻ với người thân cách bảo quản thực phẩm để hạn chế lây nhiễm vi khuẩn.	- HS lắng nghe.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Qua đó phát triển phẩm chất chăm chỉ và trách nhiệm trong việc hạn chế lây nhiễm vi khuẩn. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu cách hạn chế lây nhiễm vi khuẩn trong cuộc sống hằng ngày.	- 3-4 Học sinh trả lời, HS trả lời được: Rửa tay bằng nước sạch,xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh; uống nước đã đun sôi; tắm rửa bằng nguồn nước đảm bảo vệ sinh.Để riêng từng loại thực phẩm trong hộp kín hoặc túi kín khi bảo quản trong tủ lạnh.
- Dặn HS thực hiện những việc các em vừa nên hằng ngày để hạn chế lây nhiễm vi khuẩn. - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT LỚP:

VUN ĐẮP TÌNH CẢM GIA ĐÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Chia sẻ được kế hoạch chuẩn bị đón tết của gia đình mình.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

*Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;....

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Video bài hát ru. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Chuẩn bị các tấm bìa các-tông, bìa màu, bút màu,..

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho học sinh xem bài hát "Gia đình nhỏ, hạnh phúc to", sáng tác Nguyễn Văn Chung. - GV đặt câu hỏi để trao đổi, dẫn dắt HS vào bài học. + Bài hát nói về chủ đề gì ? + Để gia đình mình luôn vui vẻ, hạnh phúc em cần làm gì? - GV Nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới	- HS quan sát và lắng nghe bài hát. - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. + Chủ đề gia đình + HS trả lời - HS lắng nghe.
2. Sinh hoạt cuối tuần:	
*** Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)** - GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.

+ Một số nội dung phát sinh trong tuần... - Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo. - Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung. - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)	- Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần. - Lắng nghe rút kinh nghiệm.
*** Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)** - GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch. + Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào. - Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- 1 HS nêu lại nội dung. - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới. - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần. - Một số nhóm nhận xét, bổ sung. - Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề.	
Hoạt động 3: Chia sẻ kế hoạch chuẩn bị đón tết của gia đình - GV tổ chức cho HS chia sẻ cá nhân kế hoạch chuẩn bị đón của gia đình: + Hoạt động và việc làm cụ thể. + Biểu cảm của người thân khi cùng em hoàn thiện kế hoạch. - GV cho HS làm việc cá nhân giới thiệu trang phục mà em và gia đình lựa chọn để mặc trong dịp tết. - GV nhận xét tuyên dương	- HS chia sẻ cá nhân trước lớp. - HS chia sẻ cá nhân - HS lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi " Đoán hoạt động ngày tết" + Cách chơi: Một HS lên bục mô tả bằng hành động một hoạt động chuẩn bị đón tết, HS dưới lớp đoán tên hoạt động đó. Học sinh nào đoán đúng được tuyên dương. - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương HS - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- HS chơi trò chơi. - HS lắng nghe - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Luyện Toán:

LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng về tính chu vi và diện tích các hình
- Chuyển đổi và so sánh các đơn vị đo diện tích.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

*** Cho HS lần lượt hoàn thành các bài tập sau vào phiếu học tập rồi chia sẻ kết quả trước lớp:**

I. Phần trắc nghiệm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: "Mười hai phẩy ba mươi lăm mét vuông" viết là:

A. 12,35 m^2.

B. 12,35 cm^2.

C. 12,35 dm^2.

D. 12,35 km^2.

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

15 cm^2 5 mm^2 = ... mm^2.

A. 20.

B. 155.

C. 1505.

D. 150.

Câu 3. Số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm là:

5 ha 7 000 m^2 = ... ha.

A. 5 700.

B.570.

C. 57.

D. 5,7.

Câu 4: Phân số thập phân thích hợp điền vào chỗ chấm là:

8 km^2 11 ha = ... km^2.

A. $\frac{19}{100}\frac{19}{100}$.

B. $\frac{8\,110}{100}\frac{8\,110}{100}$.

C. $\frac{81}{100}\frac{81}{100}$.

D. $\frac{811}{100}\frac{811}{100}$.

Câu 5: Chọn đáp án ***đúng***.

A. Để đo diện tích một khu rừng, người ta thường dùng đơn vị đo là mét vuông.

B. Ki – lô – mét vuông viết tắt là dm^2.

C. Để đo diện tích đất trong nông nghiệp, người ta thường dùng đơn vị đo là héc – ta.

D. Héc – ta viết tắt là mm^2.

Câu 6: Trong các độ đo dưới đây, độ đo nào ***không*** bằng 15,9 m^2?

A. 1 590 dm^2.

B. 159 000 cm^2.

C. $15\frac{9}{10}15\frac{9}{10}$ m^2.

D. $15\frac{9}{10}15\frac{9}{10}$ mm^2.

Câu 7: Một sân trường hình chữ nhật có chu vi là 0,3 km và chiều dài 90 m. Diện tích của sân trường tính theo đơn vị mét vuông là:

A. 2 700 m^2.

B. 27 000 m^2.

C. 5 400 m^2.

D. 54 000 m^2.

Câu 8: Chú Ba có hai tấm pin mặt trời hình vuông cạnh 1 m. Chú đã ghép hai tấm pin đó thành một tấm pin hình chữ nhật có chiều dài là 2 m. Diện tích của tấm pin hình chữ nhật đó là:

A. 200 dm^2.

B. 2 000 dm^2.

C. 200 m^2.

D. 2 000d m^2.

Câu 9. Các bạn khối lớp 5 đang chuẩn bị cho buổi cắm trại do nhà trường tổ chức. Lan được phân công nhiệm vụ chọn một tấm gỗ để làm bảng tên cho lớp. Vậy Lan nên chọn tấm gỗ có diện tích khoảng:

A. 40 cm^2.

B. 40 m^2.

C. 40 km^2.

D. 40 ha.

Câu 10: Bố Tuấn dự định trồng cây ăn quả trên mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 120 dm, chiều rộng bằng $\frac{5}{12}$ $\frac{5}{12}$ chiều dài. Biết rằng cứ 60 cm^2 thì trồng được một cây ăn quả. Số cây ăn quả bố Tuấn càn trồng trên mảnh vườn là:

A. 1 000 cây ăn quả.

B. 100 cây ăn quả.

C. 10 000 cây ăn quả.

D. 100 000 cây ăn quả

II. Phần tự luận

Bài 1. Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là héc – ta.

a) 65 000 m^2; b) 468 000 m^2; c) 5 000 m^2;

d) 17 km^2; e) 7,2 km^2; g) $\frac{3}{10}\frac{3}{10}$ km^2.

……

……

……

……

……

……

Bài 2. Điền số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 ha 250 m^2 = ... ha; b) 5 km^2 4 ha = ... km^2;

c) 1 dm^2 300 mm^2 = ... dm^2; d) 12 cm^2 6mm^2 = ... cm^2;

e) 17 km^2 18 000 m^2 = ... km^2; g) 5 m^2 25 cm^2 = ... m^2.

Bài 3. Cho bảng thống kê sau:

Tỉnh/ thành phố	*Thừa Thiên Huế*	*Bắc Ninh*	*Quảng Ninh*
Diện tích (km^2)	5 054	822,7	6 178, 2

a) Sắp xếp diện tích các tỉnh/thành phố theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Diện tích của tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Ninh là bao nhiêu? (tính theo đơn vị ha).

……

……

……

……

……

……

Bài 4. Điền >;<; =

a) $8m^2$ $5dm^2$ ... 8,05 m^2;

b) 7,14 dm^2 ... 7 dm^2 14 mm^2;

c) 3 ha 1 500 m^2 ... 3,15 ha;

d) 6 km^2 12 ha ... 612 km^2;

e) 9 cm^2 32 mm^2 ... 9 320 mm^2;

g) 6,25 m^2 ... $6m^2$ 25 cm^2.

Bài 5. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 150 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}\frac{2}{3}$ chiều dài. Trung bình cứ 100 m^2 của thửa ruộng đó thu hoạch được 60 kg thóc.

a) Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc?

b) Biết rằng thương lái thu mua 12 000 đồng/ kg thóc. Tính số tiền người đó nhận được khi bán số thóc đã thu hoạch được trên thửa ruộng đó cho thương lái.

Bài giải

……

……

……

……

……

……

Bài 6. Một khu vườn trồng hoa hồng có kích thước như hình bên. Tính diện tích khu vườn đó.

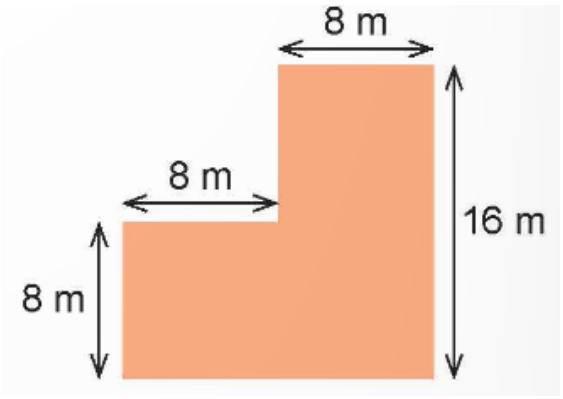

Bài giải

……

……

……

……

……

……

Luyện Tiếng Việt:

ÔN TẬP VỀ CÂU. VĂN TẢ NGƯỜI

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS củng cố về khái niệm câu, câu đơn và câu ghép.
- Luyện viết phần mở bài và kết bài trong văn tả người

II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Phần 1. Cho HS củng cố và khắc sâu những nội dung cần ghi nhớ:

1.1. Luyện từ và câu:

*** Thế nào là câu ghép?**

Câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại.

Mỗi vế câu ghép thường có cấu tạo giống một câu đơn (có đủ chủ ngữ, vị ngữ) và thể hiện một ý có quan hệ chặt chẽ với ý của những vế câu khác.

VD:

Vì trời / đổ mưa // nên chuyến đi của lớp Lan / đành phải hoãn lại.

QHT CN VN QHT CN VN

-> Đây là câu ghép do hai vế câu đơn ghép lại

Trời / đổ nắng to, // mẹ / đội nắng phơi thóc ngoài sân, // bố / gánh lúa từ ngoài

CN VN CN VN CN VN

đồng về, // còn Nam / thì vẫn ung dung ngồi quạt mát trong nhà.

CN VN

-> Đây là câu ghép do 4 vế câu đơn ghép lại.

Lưu ý: Thông thường thì các vế câu ghép có cấu tạo như một câu đơn, tuy nhiên có một số trường hợp vế của câu ghép có thể bị lược bỏ bộ phận chủ ngữ hoặc vị ngữ mà ta có thể khôi phục lại được. Tuy nhiên cần tránh nhầm lẫn thành phần trạng ngữ với một vế của câu ghép.

Thường, nếu hai vế câu có cùng một chủ thể, ta có thể lược bớt thành phần chủ ngữ của một vế câu, và đó được coi là câu ghép.

Ví dụ:

Nhờ bác lao công, sân trường luôn sạch sẽ.

Đối với câu a, "bác lao công" là cụm danh từ do đó câu này được coi là câu đơn có trạng ngữ chỉ nguyên nhân.

b. Vì học giỏi, tôi đã được bố thưởng quà.

Câu b là câu ghép vì "học giỏi" là tính từ. Có thể khôi phục được chủ ngữ trong vế thứ nhất: Vì tôi học giỏi, tôi đã được bố thưởng quà.

c. Nhờ học giỏi mà tôi được thưởng quà.

- Câu c là câu đơn có trạng ngữ chỉ nguyên nhân vì ở đây "học giỏi" bị chuyển thành danh từ chỉ việc học giỏi. Không thể viết: Nhờ tôi học giỏi mà tôi được thưởng quà.

*** Cách nối các vế câu ghép:**

Có hai cách nối các vế câu trong câu ghép:

1. Nối bằng những từ có tác dụng nối:

VD: Cô con gái xinh đẹp, ngoan hiền còn cậu con trai thì lười biếng, nghịch ngợm

-> Còn là quan hệ từ nối vế 1 "Cô con gái xinh đẹp, ngoan hiền" với vế 2 "cậu con trai thì lười biếng, nghịch ngợm"

VD: Tuy nhà rất xa nhưng Lan chưa bao giờ đến lớp muộn.

-> Tuy …. nhưng… là cặp quan hệ từ nối hai vế "nhà rất xa" với "Lan chưa bao giờ đến muộn"

2. Nối trực tiếp (không dùng từ nối). Trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm

VD: Trong vườn, hoa lặng lẽ tỏa hương, những chú ong thầm lặng hút mật đem lại ngọt bùi cho đời.

-> Hai vế "hoa lặng lẽ tỏa hương" và "những chú ong thầm lặng hút mật đem lại ngọt bùi cho đời" được nối với nhau bằng dấu phẩy

VD: Cảnh tượng xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay, tôi đi học

-> Hai vế "Cảnh tượng xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn" và "Hôm nay, tôi đi học" được nối với nhau bởi dấu hai chấm

VD: Kia là hoa hồng đang lặng lẽ tỏa hương; đây là hoa lan đang vươn mình trong nắng mới; xa xa là hoa cúc đang rung rinh trong những cơn gió đang về.

-> Ba vế "Kia là hoa hồng đang lặng lẽ tỏa hương", "đây là hoa lan đang vươn mình trong nắng mới" và "xa xa là hoa cúc đang rung rinh trong những cơn gió đang về" được nối với nhau bởi dấu chấm phẩy.

1.2. Tập làm văn

Đối với một bài văn tả người, có hai kiểu mở bài là:

- Mở bài trực tiếp, giới thiệu trực tiếp và người hay sự vật định tả.
- Mở bài gián tiếp, nói một sự việc khác, từ đó chuyển sang giới thiệu về người hay sự vậy định tả.

Đối với bài văn tả người, có hai kiểu kết bài:

- Kết bài không mở rộng, nêu nhận xét chung hoặc nói lên tình cảm của em với người được tả.
- Kết bài mở rộng, từ hình ảnh và hoạt động của người được tả, suy rộng ra các vấn đề khác.

Phần 2. Bài tập thực hành:

Bài 1. Các từ được gạch dưới trong đoạn văn sau là danh từ, động từ, tính từ, đại từ hay quan hệ từ?

Thời giantrôi đinhanh quá.Tôi đã trưởng thành, đã là một thanh niên, đã có công ăn việc làm, đã có xe máy, đã phóngvù vùqua khắp phố phường, thìtôi vẫn cứ nhớ mãi những kỉ niệmthờiấu thơ. Tôi cứ nhớ mãi vềbà, vềsự thương yêucủabà, vàlòngtôi cứ ngậm ngùithương nhớ...

Bài 2. Tìm 2 từ đồng nghĩa với từ *ngậm ngùi.*

a) Hai câu cuối trong đoạn văn trên là câu đơn hay câu ghép?

b) Tìm cặp quan hệ từ thích hợp để viết lại câu thứ hai thành câu ghép chính phụ.

Bài 3. Điền *r, d* hoặc *gi* vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thơ sau:

Tiếng …ừa làm … ịu nắng trưa
Gọi đàn …ó đến cùng …ừa múa …eo.
Trời trong đầy tiếng …ì …ào
Đàn cò đánh nhịp bay vào bay …a.

Bài 4. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:

Sau một hồi len lách mải miết rẽ bụi rậm, chúng tôi nhìn thấy một bãi cây khộp. Rừng khộp hiện ra trước mắt chúng tôi, lá úa vàng như cảnh mùa thu. Tôi dụi mắt, những sắc vàng động đậy. Mấy con mang vàng hệt như màu lá khộp đang ăn cỏ non. Những chiếc chân vàng giẫm lên thảm lá vàng và sắc nắng cũng rực vàng trên lưng nó.Chỉ có mấy bạt cỏ xanh biếc là rực lên giữa cái giang sơn vàng rợi.

(*Theo* **Nguyễn Phan Hách**)

a) Gạch dưới các câu ghép trong đoạn văn trên, dùng gạch chéo phân cách các vế của mỗi câu ghép vừa xác định được.

b) Viết lại các câu ghép vừa tìm được ở phần a rồi xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi vế câu.

Bài 5. Viết tiếp một vế câu vào chỗ trống để tạo câu ghép:

a) Bé Minh nhà tôi đã tròn một tuổi,……..……..……
……

b) Mùa xuân đã về trên quê hương tôi,……..…
……
c) Vì Phương luôn chăm chú nghe cô giảng bài……
……..…
d) Trong truyện cổ tích tấm Cám, cô Tấm chăm chỉ, hiền lành còn…….
……

Bài 6. Các vế trong từng câu ghép dưới đây được nối với nhau bằng cách nào?

(Dùng từ có tác dụng nối hay dùng dấu câu để nối trực tiếp?)

Câu ghép	Cách nối các vế câu
a) Cô giáo kể chuyện Tấm Cám, chúng em chăm chú lắng nghe.	
b) Đêm đã khuya nhưng mẹ vẫn cặm cụi làm việc.	
c) Mặt trời mọc và sương tan dần.	
d) Cả nhà lo lắng: anh tôi về muộn.	

Bài 7. Tả người mẹ của em bằng việc thực hiện các yêu cầu bên dưới.

* Viết mở bài theo cách trực tiếp:

* Viết mở bài theo cách gián tiếp:

* Viết kết bài theo cách không mở rộng:

* Viết kết bài theo cách mở rộng:

Ký duyệt: **Giáo viên thực hiện:**